| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 13/CBTT.NSS | *Đồng Nai, ngày 16 tháng 4 năm 2024* |

# CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai**

- Mã chứng khoán: **NSS**
- Địa chỉ: 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: 0251 3899790 Fax: 0251 3899102
- E-mail: *dolicomail@dolicovn.com*

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/4/2024 tại đường dẫn https://dolicovn.com/quan-he-co-dong/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:***
*- Báo cáo thường niên năm 2023.*

**Đại diện tổ chức**
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

**Đinh Ngọc Mến**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600267730, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI, S=Đồng Nai, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024-04-16 07:52:21
Foxit Reader Version: 9.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

# 2023 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

238, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

(0251) 3899 790

www.dolicovn.com

# MỤC LỤC


01 THÔNG TIN CHUNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# CHƯƠNG 1

# THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Định hướng phát triển
- Yếu tố rủi ro

# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
- **Tên viết tắt:** DOLICO
- **Tên Tiếng Anh:** Dong Nai Agricultural Livedtock Product Joint – Stock Company
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 05/01/2024.
- **Vốn điều lệ:** 102.639.420.000 đồng
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 102.639.420.000 đồng
- **Địa chỉ:** 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- **Số điện thoại:** 0251 3899 790
- **Số fax:** 0251 3899 102
- **Website:** www.dolicovn.com
- **Mã cổ phiếu:** NSS

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

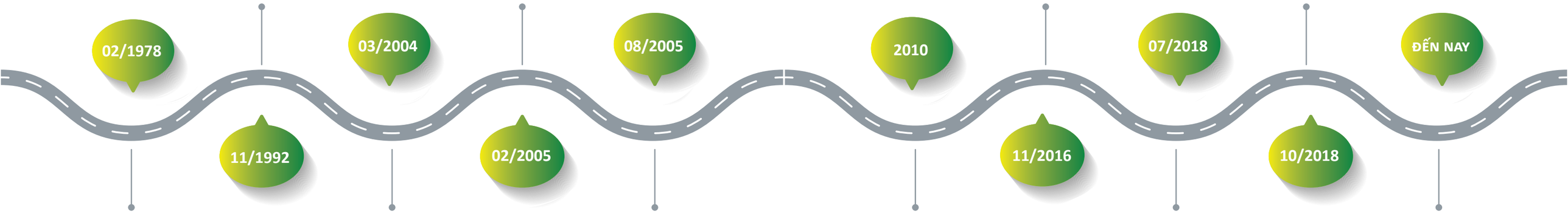


**02/1978**

Tiền thân của Công ty là Công ty Chăn nuôi Đồng Nai được thành lập ngày 17/02/1978 theo Quyết định số 97/QĐ/UBT của UBND Tỉnh Đồng Nai dưới quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai.

**11/1992**

Thực hiện theo chính sách đổi mới và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, UBND Tỉnh Đồng Nai đã ban hành quyết định để thành lập Công ty Chăn nuôi Đồng Nai.

**03/2004**

Công ty Chăn nuôi Đồng Nai tiến hành các thủ tục để cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Công văn số 1710/CV-UBT ngày 31/03/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước năm 2004.

**02/2005**

Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai chính thức ban hành Quyết định 761/QĐ-CT-UBT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty Chăn nuôi Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai việc bán cổ phần theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai.

**08/2005**

Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000629 cho Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai với mức vốn điều lệ được phê duyệt tại Quyết định 761/QĐ-CT-UBT là 56.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả bán cổ phần thực tế, số lượng cổ phần chào bán thành công (bao gồm SLCP do Nhà nước tiếp tục nắm giữ) là 3.421.314 cổ phần, tương ứng vốn thực góp 34.213.140.000 đồng.

**2010**

Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, trải qua quá trình hoạt động và phát triển, Công ty mở rộng quy mô vốn lên 102.639.420.000 đồng.

**11/2016**

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 nâng vốn góp của công ty lên 68.426.280.000 đồng.

**07/2018**

Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu, ngày giao dịch đầu tiên: 30/10/2018, giá tham chiếu là 26.800 đồng/cổ phiếu.

**10/2018**

Công ty nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Công văn chấp thuận số 6322/UBCK-GSĐC ngày 19/09/2018. Đồng thời, Công ty thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng số 82/2018/GCNCP-VSD ngày 01/10/2018 với mã Chứng khoán là NSS.

**ĐẾN NAY**

Công ty nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất – kinh doanh và không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động được ĐHĐCĐ giao phó cũng như nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách nhà nước.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

- Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo.
- Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm.
- Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi.
- Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt.
- Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt.
- Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông, vải).
- Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến.
- Sản xuất thức ăn gia súc.
- Chế biến rau, củ, quả.
- Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh).
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi; xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi.
- Xây dựng địa ốc.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ.
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc.
- Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho.
- Bán bu¬ôn xe gắn máy.
- Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải).
- Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải).
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu tại tỉnh Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác trên lãnh thổ Việt Nam.

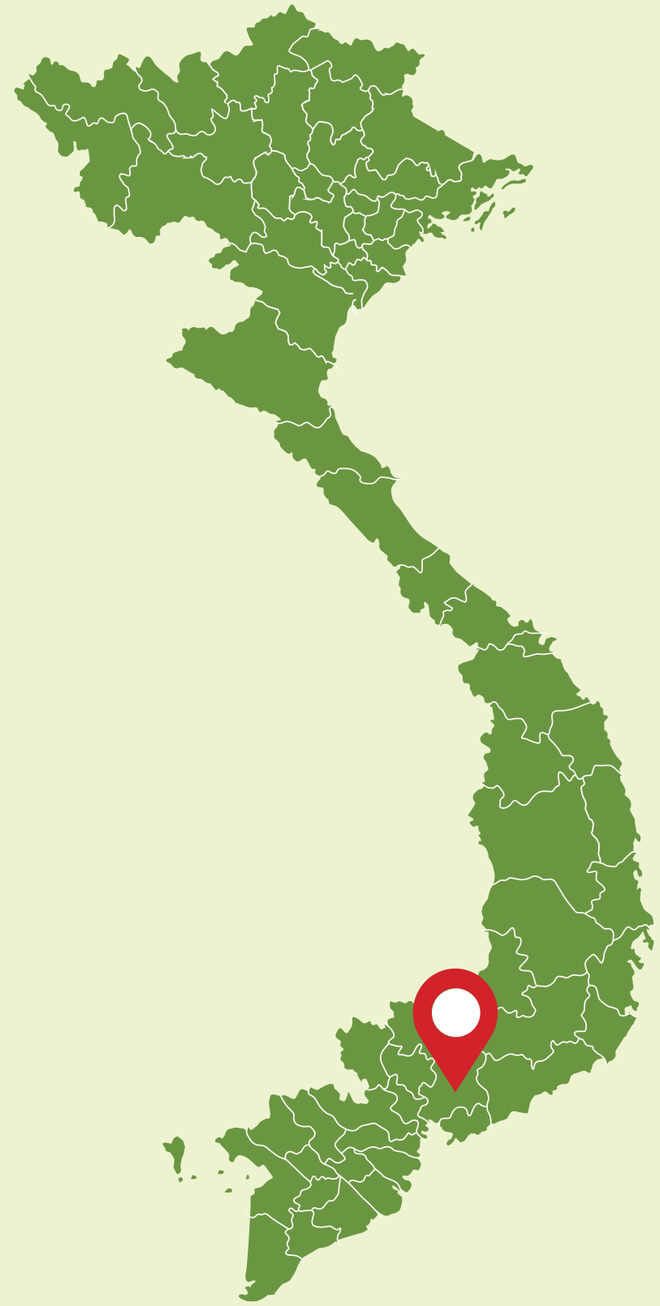

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý, điều hành kinh doanh của Công ty.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

## BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành công ty theo đúng quy định. Ban kiểm soát đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty.

## BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty dựa trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm điều hành Công ty.

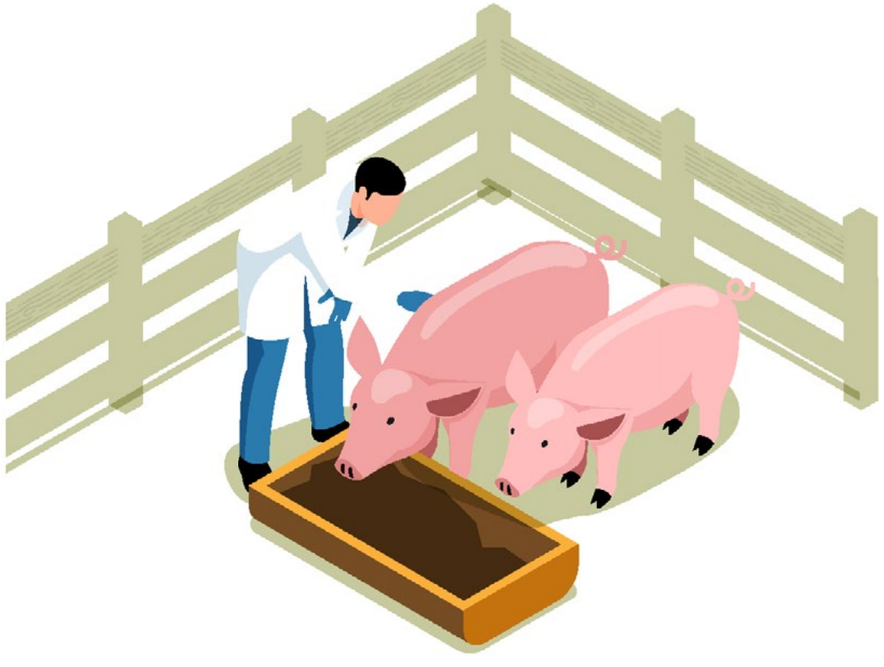



# CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

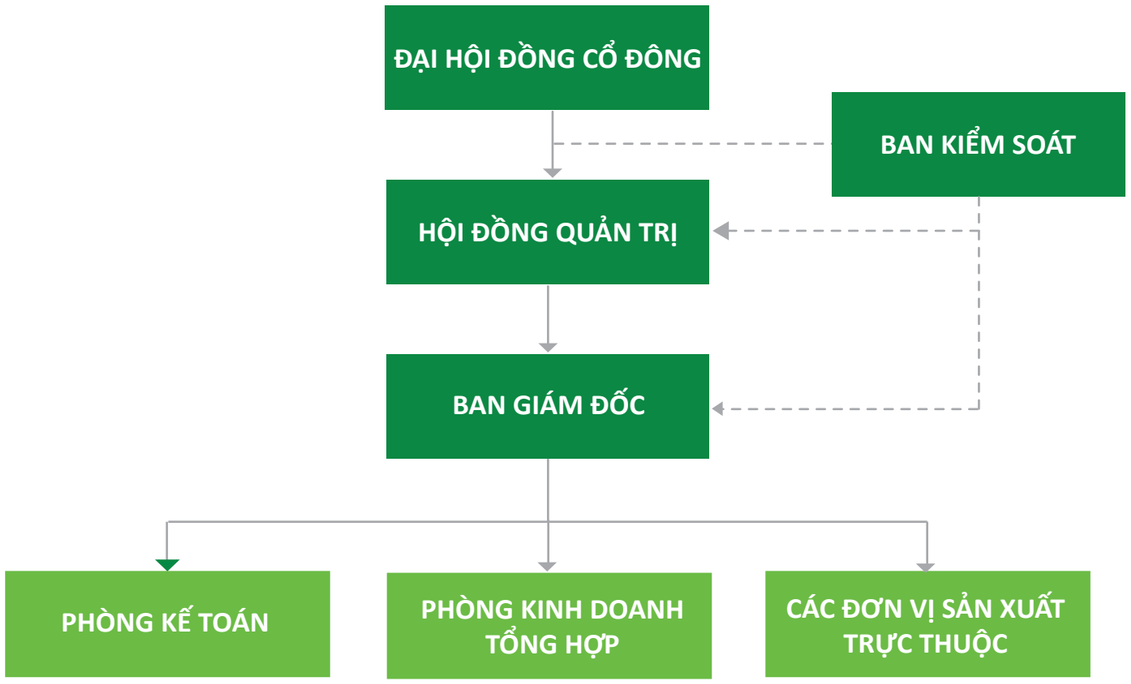


# CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY CON

Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai không có Công ty con và Công ty liên kết.

## CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|---|---|
| 1 | Trại heo Dolico Xuân Thành | Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai | Chăn nuôi heo |
| 2 | Trại heo Dolico Suối Cao | Tổ 10, Ấp Phượng Vĩ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai | Chăn nuôi heo |
| 3 | Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An | Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai | Chăn nuôi heo |
| 4 | Xưởng chế biến thực phẩm | Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | Chế biến thức ăn gia súc |

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- **Về sản phẩm**

Dolico luôn chú trọng trong khâu lựa chọn nguồn nguyên liệu đầu vào, từ con giống cho đến thức ăn cho đàn heo một cách nghiêm ngặt nhất. Công ty mong muốn cung cấp ra thị trường những sản phẩm có chất lượng vượt trội, an toàn cho người tiêu dùng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- **Về quy mô sản xuất**

Công ty thực hiện việc mở rộng đầu tư, xây dựng cơ sở sản xuất, cơ sở hạ tầng và thiết bị vật tư có tính tự động hóa cao để liên tục cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm, cũng như đảm bảo vệ sinh, an toàn cho đàn heo. Đồng thời, Công ty còn đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư còn đang dang dở để góp phần hỗ trợ công tác sản xuất kinh doanh.

- **Về nhân sự**

Dolico luôn quan tâm đến sức khỏe tinh thần và thế chất của toàn thể cán bộ nhân viên, bằng cách xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và công bằng. Ngoài ra, nhân viên Công ty còn được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng và hiệu suất công việc.

- **Về hiệu quả sản xuất kinh doanh**

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, áp dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình chăn nuôi để có các biện pháp phòng chống dịch bệnh, nâng cao tỷ lệ phối giống cho đàn heo nái, nâng cao năng suất và mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

- **Về công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y**

Vì đặc thù ngành nghề hoạt động của Công ty có liên quan trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, thế nên Công ty luôn tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm. Dolico thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm đầu vào ngay từ khâu lựa chọn con giống. Song với đó, việc chăm sóc, theo dõi sức khỏe đàn heo định kỳ và phòng chống dịch bệnh một cách kịp thời cũng được Công ty đặt lên hàng đầu, nhằm đem đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng nhất. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng thực hiện công tác vệ sinh chuồng trại và môi trường sống xung quanh để có thể góp phần phát triển bền vững hơn trong tương lai.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

### Về công tác sản xuất

- Dolico thiết lập thứ tự đầu tư ưu tiên, với chiến lược "Không đầu tư dàn trải", giúp kiểm soát chi phí một cách hiệu quả và mang về lợi nhuận tối đa cho Công ty.
- Không ngừng học hỏi và nghiên cứu để cải thiện chất lượng sản phẩm, cũng như giúp các sản phẩm của Công ty tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Tích cực thực hiện các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiến bộ vào trong sản xuất, chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất và hạn chế rủi ro dịch bệnh.
- Sử dụng các kỹ thuật phối giống tiên tiến nhằm tăng khả năng đậu thai và sinh nở, hạn chế tình trạng sinh non ở đàn heo.
- Trong công tác chăn nuôi, thực hiện nghiên cứu và sử dụng những chế độ ăn uống, thực đơn hợp lý nhằm tối ưu hóa chi phí đầu vào cũng như chất lượng sản phẩm đầu ra.
- Công ty không chỉ giữ vững mối quan hệ với các khách hàng hiện tại mà còn tích cực trong việc mở rộng, phát triển mạng lưới khách hàng, đối tác và nhà cung cấp mới.
- Công ty cam kết đảm bảo sức khỏe về mặt thể chất lẫn tinh thần và an toàn lao động cho toàn thể cán bộ, nhân viên công ty.

### Về công tác quản lý:

- Tập trung nâng cao hiệu suất quản lý và điều hành trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đồng thời tổ chức cơ cấu hoạt động của Công ty sao cho phù hợp với xu hướng thị trường và các yêu cầu nội bộ.
- Tăng cường công tác kiểm soát nhằm bảo đảm tất cả nhân viên đều tuân thủ đúng các quy định đã ban hành và đạo đức nghề nghiệp.

## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Dolico luôn kết hợp hoạt động sản xuất kinh doanh với việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng. Chính vì thế, Công ty rất chú trọng vào việc đầu tư các cơ sở sản xuất, chuồng trại, trang bị hệ thống xử lý chất thải, mùi hôi, đồng thời tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Điều này giúp đảm bảo vệ sinh cho môi trường xung quanh cũng như giảm thiểu rủi ro dịch bệnh trên đàn heo. Nhờ vậy, Dolico luôn duy trì được uy tín và nâng cao chất lượng của mình với khách hàng, đối tác kinh doanh.
- Công ty tích cực trong việc chung tay góp sức vì cuộc sống cộng đồng, tham gia tài trợ, tổ chức các hoạt động thiện nguyện, quyên góp cho đồng bào có hoàn cảnh khó khăn, chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt, đồng thời hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động tại địa phương.

# CÁC RỦI RO

## RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023, nền kinh tế thế giới chịu nhiều tác động tiêu cực, như xung đột giữ Nga và Ukraine; chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu... Từ đó, nền kinh tế Việt Nam cũng phần nào bị ảnh hưởng. Theo ước tính của Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam ghi nhận tăng 5,05% so với năm 2022, thấp hơn so với năm trước, ngoài ra tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta cũng có xu hướng giảm... Tuy vậy nhưng ngành nông nghiệp vẫn có những đóng góp tích cực, giá trị tăng thêm ngành tăng 3,88% so với năm trước. Nhằm hạn chế tác động tiêu cực của các rủi ro kinh tế, Ban Lãnh đạo Công ty luôn không ngừng nắm bắt và đánh giá tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước để có thể đưa ra những phương án điều hành công ty, phương án phòng tránh rủi ro phù hợp nhất.

## RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Dolico hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, nên sẽ luôn chịu ảnh hưởng bởi giá nguyên liệu đầu vào như ngô, đậu tương, lúa mì... Vậy nên những biến động về nguồn cung và giá các mặt hàng này sẽ ảnh hưởng đến chi phí vốn của Công ty. Theo Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi năm nay tuy có giảm so với năm 2022, thế nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với giai đoạn trước dịch Covid-19 (năm 2020).

Để tối ưu hóa kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty đã có những phương án và giải pháp như thực hiện liên kết chuỗi, sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong nước làm thức ăn chăn nuôi... Đồng thời, Dolico còn đang tự sản xuất thức ăn đầu vào cho đàn heo nên có thể dễ dàng chủ động trong việc tiết kiệm chi phí.

## RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người, đồng thời cũng là ngành nghề đặt vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường lên hàng đầu; vì vậy Công ty luôn tuân theo các văn bản luật như Luật An toàn thực phẩm, Luật Vệ sinh môi trường, Luật Chăn nuôi,…

Ngoài ra, Dolico hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự chi phối của các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán và Luật thuế và các văn bản pháp lý liên quan khác.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang từng bước mở rộng hội nhập với thị trường quốc tế.

Chính vì thế, pháp luật Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện hơn. Vậy nên, Công ty luôn cố gắng nắm bắt và cập nhật liên tục những điểm mới trong các văn bản pháp luật để kịp thời thay đổi các chính sách quản lý, chiến lược kinh doanh sao cho phù hợp, nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý. Đồng thời, Công ty còn tổ chức tập huấn định kỳ, bồi dưỡng các cán bộ, nhân viên về các quy định pháp luật liên quan.

# CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

## RỦI RO SẢN PHẨM ĐẦU RA

Theo Cục Chăn nuôi, trong năm 2023 vừa qua, giá heo hơi xuất chuồng liên tục giảm thấp hơn so với năm 2022, có thời điểm xuống dưới giá thành sản xuất khiến người chăn nuôi không có lãi, thậm chí là thua lỗ. Cụ thể, giá lợn hơi xuất chuồng năm 2023 chênh lệch từ 400 đồng đến 6.600 đồng/kg so với năm 2022.

Để hạn chế những rủi ro về doanh thu và sản phẩm đầu ra, Ban lãnh đạo của Công ty luôn không ngừng tìm kiếm, mở rộng mối quan hệ với các khách hàng mới, đồng thời duy trì và phát triển quan hệ thân thiết với khách hàng cũ. Ngoài ra, Dolico còn định hướng chăn nuôi heo theo hướng hữu cơ, thường xuyên nâng cao chất lượng sản phẩm để có thể thu hút và giữ chân khách hàng.

## RỦI RO CẠNH TRANH

Việt Nam hội nhập và tham gia vào các hiệp định thương mại tự do vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với ngành chăn nuôi trong nước. Hội nhập sẽ giúp các doanh nghiệp trong nước mở rộng thị trường, tiếp cận nguồn lực và công nghệ mới, thế nhưng, các doanh nghiệp cũng sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ nước ngoài. Ngoài ra, áp lực cạnh tranh từ những doanh nghiệp trong nước cũng là yếu tố ảnh hưởng đến giá cả và doanh thu của Công ty.

Nhằm giảm thiểu các rủi ro về cạnh tranh, Công ty luôn tích cực trong việc xây dựng mô hình chăn nuôi khép kín, tự động hóa giúp tối ưu quá trình sản xuất, từ đó tạo nên các sản phẩm đầu ra với giá thành cạnh tranh và chất lượng cao. Ngoài ra, Công ty còn tập dụng thương hiệu, nguồn lực có sẵn từ Công ty mẹ Dolico để có thể đẩy mạnh phát triển mối quan hệ với các đối tác, khách hàng.

## RỦI RO DỊCH BỆNH Ở VẬT NUÔI

Rủi ro về dịch bệnh luôn là một trong những rủi ro đáng lo ngại nhất đối với ngành chăn nuôi. Đặc biệt vào những tháng cuối năm 2023, tình hình dịch bệnh ở đàn heo trên khắp cả nước như Dịch tả lợn Châu Phi bùng phát mạnh. Các nguyên nhân là do thời tiết bất thường, tình trạng buôn bán, vận chuyển, nhập lậu, giết mổ không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm... đã làm phát tán mầm bệnh. Điều này có thể tác động trực tiếp đến sức khỏe đàn heo, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm đầu ra.

Để giảm thiểu những rủi ro do dịch bệnh gây ra, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp như thực hiện giảm đàn nái sinh sản để tiến hành sửa chữa trại Suối Cao, vệ sinh chuồng trại, phun thuốc khử trùng, thường xuyên kiểm tra y tế, tiêm vắc xin phòng dịch cho đàn heo… Cùng với đó, Công ty còn áp dụng hệ thống chăn nuôi khép kín, mỗi trại chăn nuôi chỉ có một chức năng chuyên biệt như trại chăn nuôi nái sinh sản, trại chăn nuôi heo thịt... giúp hạn chế sự lây nhiễm chéo trong đàn.

## RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài các rủi ro đã nêu trên, Dolico còn có thể đối mặt với nhiều rủi ro không thể lường trước được, như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn lao động... Tuy ít xảy ra, nhưng các rủi ro này có thể dẫn đến tổn thất, thiệt hại vô cùng nặng nề về người và tài sản. Chính vì vậy, Công ty luôn đề cao tinh thần, chuẩn bị biện pháp phòng ngừa, công tác cần thiết để kịp thời ứng phó, ngoài ra Công ty còn mua những hợp đồng bảo hiểm để hạn chế thiệt hại một cách thấp nhất.

# CHƯƠNG 2

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm đối với cộng đồng và môi trường

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

| Doanh thu thuần | Năm 2022 | | Năm 2023 | | % Tăng giảm |
|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị (Tr. đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (Tr. đồng) | Tỷ trọng (%) | |
| Doanh thu từ hoạt động chính | 304.919 | 98,31% | 279.991 | 97,74% | (8,18%) |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính | 5.229 | 1,69% | 6.485 | 2,26% | 24,03% |
| Thu nhập khác | 20 | 0,01% | - | 0,00% | (100%) |
| **Tổng doanh thu** | **310.168** | **100%** | **286.476** | **100,00%** | **(7,64%)** |

Năm 2023, tổng doanh thu Dolico đạt mức 286.476 triệu đồng, giảm 7,64% so với năm 2022. Một trong những nguyên nhân chính đến từ việc nhu cầu tiêu dùng thịt heo của khách hàng trong năm giảm do thắt chặt chi tiêu. Đồng thời, giá heo hơi đầu ra trong năm cũng có xu hướng giảm mạnh, khiến cho nhiều doanh nghiệp chăn nuôi rơi vào tình trạng không có lãi hoặc thậm chí là lỗ, chênh lệch từ 400 đồng đến 6.600 đồng/kg so với năm 2022. Không những thế, sự cạnh tranh gay gắt đến từ các nhà đầu tư chăn nuôi mới thuộc các tập đoàn lớn trong nước và ngoài nước ngày càng diễn ra khốc liệt. Từ đó, nguồn doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty chỉ đạt 279.991 triệu đồng, giảm 8,18% so với năm trước. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động tài chính tăng mạnh, tăng 24,03%, chủ yếu đến từ việc nhận lãi tiền gửi, lãi cho vay và nhận cổ tức từ Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai tăng.

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 | TH 2023 | TH 2022/ KH 2022 |
|---|---|---|---|---|
| Sản lượng | Tấn | 4.800 | 5.677 | 118,27% |
| Tổng doanh thu | Triệu đồng | 255.000 | 286.476 | 112,34% |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 10.000 | 11.720 | 117,20% |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 8.350 | 9.652 | 115,59% |
| Nộp ngân sách | Triệu đồng | 4.690 | 5.809 | 123,86% |

Ngay từ đầu năm, Ban Lãnh đạo Công ty đã đề ra những định hướng và kế hoạch hành động, giúp toàn cán bộ công nhân viên quyết tâm hơn, làm việc hết khả năng với mục tiêu cuối cùng là đưa năng suất đi lên và đem lại những sản phẩm đầu ra chất lượng nhất đến tay người tiêu dùng. Nhờ vậy, trong năm 2023, dù trải qua nhiều khó khăn nhưng Dolico vẫn hoàn thành xuất sắc mọi chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra và đem lại kết quả kinh doanh vô cùng tích cực. Đáng chú ý, về sản lượng heo thịt mà Công ty sản xuất, tiêu thụ trong năm đạt 5.677 tấn, vượt 18,27% so với kế hoạch đề ra. Mức lợi nhuận sau thuế cũng hoàn thành xuất sắc khi đạt 9.652 triệu đồng, vượt 15,59% kế hoạch. Ngoài ra, trong năm, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền 5.809 triệu đồng, hoàn thành vượt 23,86% kế hoạch. Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển hoạt động sản xuất phù hợp với môi trường và quy mô đàn heo trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đó là kết quả cho sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty trong năm vừa qua.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 01/04/2024

| STT | Thành viên | Chức vụ | Đại diện sở hữu | | Sở hữu cá nhân | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng CP | Tỷ lệ | Số lượng CP | Tỷ lệ |
| 1 | Ông Đinh Ngọc Mến | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc | 1.500.000 | 14,61% | 3.400 | 0,03% |
| 2 | Ông Trần Minh Phương | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 1.500.000 | 14,61% | 67.800 | 0,66% |
| 3 | Ông Nguyễn Sỹ Sinh | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc kỹ thuật | - | - | 1.300 | 0,01% |
| 4 | Hoàng Ngọc Long | Kế toán trưởng kiêm người phụ trách QTCT | - | - | 1.200 | 0,01% |

## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

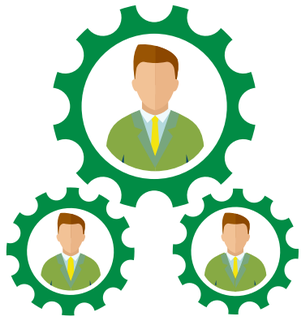

**ÔNG ĐINH NGỌC MẾN**

**Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**

Ngày sinh: 09/01/1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 04/2004 - 09/2005: Thủ kho tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 10/2005 - 10/2010: Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 10/2010 – 05/2016: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 06/2016 - 04/2019: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 – 16/06/2023: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 – 01/01/2024: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 10/07/2023 - 01/01/2024: Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 01/01/2024 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 19/02/2024 - nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ tại Tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VĐL;
- Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm 0,03% VĐL.



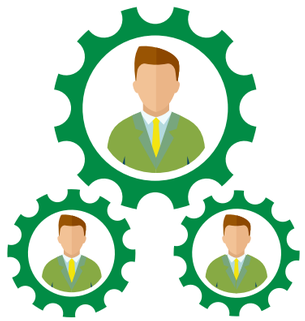

**ÔNG TRẦN MINH PHƯƠNG**

**Phó Giám đốc - Thành viên HĐQT**

Ngày sinh: 16/12/1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 08/1984 - 09/1987: Nhân viên tại Công ty Kinh doanh Lương thực tỉnh Đồng Nai
- 10/1987 - 08/2005: Nhân viên Kế toán tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 09/2005 - 09/2006: Kế toán Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 10/2006 - 04/2019: Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 - nay: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ tại Tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VĐL;
- Sở hữu cá nhân: 67.800 cổ phần, chiếm 0,66% VĐL.

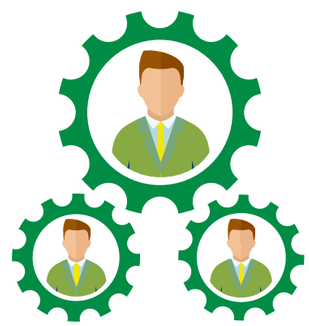

**ÔNG NGUYỄN SỸ SINH**

**Phó Giám đốc kỹ thuật - Thành viên HĐQT**

Ngày sinh: 25/09/1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thú y

Quá trình công tác:

- Từ 2001 - 2003: Công nhân kỹ thuật trại heo Vĩnh Cửu
- Từ 2003 - 2006: Kỹ thuật trạm thụ tinh ở Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- Từ 2006 - 2010: Làm kỹ thuật tại trại heo Dolico Tân An
- Từ 2010 - 2017: Làm Quản đốc trại heo Dolico Suối Cao
- Từ 2017 - 2023: Làm Quản đốc tại trại heo Dolico Tân An
- Từ 06/2023 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- Từ 01/2024 - nay: Phó Giám đốc kỹ thuật Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ tại Tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện vốn: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL;
- Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phần, chiếm 0,01% VĐL.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

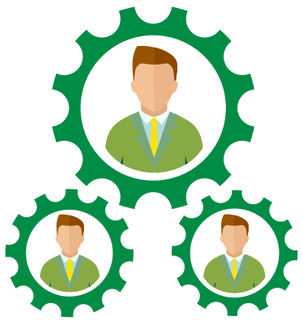

**ÔNG HOÀNG NGỌC LONG**

**Kế toán trưởng – Người phụ trách QTCT**

Ngày sinh: 14/09/1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 2004 - 2012 Nhân viên phòng kinh doanh
- Từ 2012 - 2014 Nhân viên xưởng chế biến thức ăn gia súc
- Từ 2015 - 2019 Nhân viên phòng kế toán
- Từ 2019 - 2023 Trưởng Ban Kiểm Soát
- 02/01/2024 - nay Kế toán trưởng – Người phụ trách QTCT của Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ tại Tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện vốn: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL;
- Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần, chiếm 0,01% VĐL.

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

| Thành viên | Chức vụ | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
|---|---|---|---|
| Ông Nguyễn Diên Tường | Giám đốc | | 01/01/2024 |
| Ông Đinh Ngọc Mến | Giám đốc | 01/01/2024 | |
| Ông Đinh Ngọc Mến | Kế toán trưởng kiêm người phụ trách QTCT | | 01/01/2024 |
| Ông Nguyễn Sỹ Sinh | Phó Giám đốc kỹ thuật | 01/01/2024 | |
| Hoàng Ngọc Long | Kế toán trưởng kiêm người phụ trách QTCT | 02/01/2024 | |

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2023

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng (Người) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| **A** | **Theo trình độ** | **87** | **100%** |
| 1 | Đại học | 18 | 20,69% |
| 2 | Cao đẳng | 0 | 0,00% |
| 3 | Trung cấp | 7 | 8,05% |
| 4 | Phổ thông | 62 | 71,26% |
| **B** | **Theo tính chất hợp đồng lao động** | **87** | **100%** |
| 1 | Hợp đồng có xác định thời hạn | 3 | 3,45% |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 84 | 96,55% |

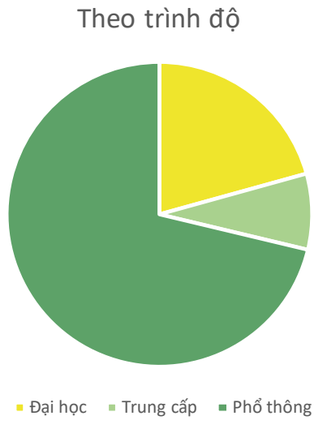


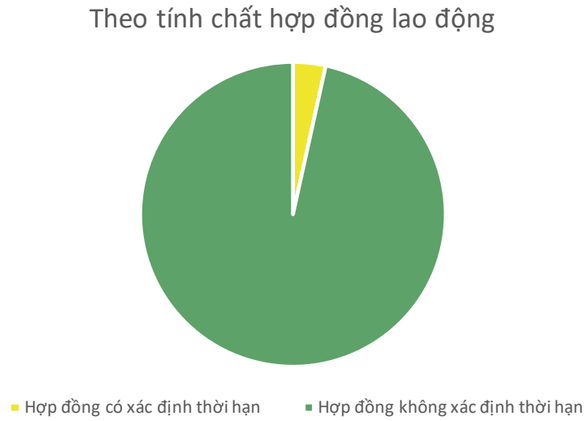

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### Về đào tạo

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc đào tạo bài bản cho nhân sự sẽ mang lại những giá trị và lợi ích vô cùng to lớn, Dolico đã xây dựng một chính sách cụ thể và toàn diện trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Dolico luôn coi trọng việc tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp của mình. Điều này không chỉ giúp họ nâng cao kiến thức, kỹ năng mà còn thúc đẩy sự sáng tạo và cam kết trong công việc. Với chủ trương này, Dolico không chỉ tạo nên một môi trường làm việc tích cực mà còn hình thành một đội ngũ nhân sự chất lượng cao, sẵn sàng đối mặt và vượt qua mọi thách thức.

Để đảm bảo nhân viên được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết, Dolico thường xuyên tạo điều kiện cho họ tham gia các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo tính chất công việc của từng bộ phận. Việc này giúp họ cập nhật những kiến thức mới nhất và áp dụng chúng vào thực tiễn công việc một cách hiệu quả nhất.

Bên cạnh đó, Dolico cũng tổ chức các khóa học đào tạo nội bộ, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội học hỏi lẫn nhau và chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình làm việc. Điều này không chỉ tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên trong tổ chức mà còn thúc đẩy sự phát triển cá nhân và toàn diện của mỗi cá nhân.

### Về tuyển dụng

Đối với Dolico, nhân viên không chỉ là những cá nhân thực hiện công việc mà còn là một tài sản vô cùng quý báu đối với sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, Dolico luôn đặt ra nguyên tắc tuyển dụng "Đúng người - đúng thời điểm", nhằm mục đích lựa chọn được những nhân sự phù hợp nhất, từ đó giúp đảm bảo những chiến lược kinh doanh và phát triển của Công ty được thực hiện một cách hiệu quả nhất.

Dựa theo tính chất công việc ở từng vị trí, Dolico đặt ra những yêu cầu cụ thể và khác nhau cho các ứng viên. Tuy nhiên, tất cả những yêu cầu đều phải đáp ứng những tiêu chuẩn cơ bản như có trình độ chuyên môn, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật cao. Dolico tin rằng, chỉ có những cá nhân đáp ứng được những yêu cầu này mới có thể đóng góp và phát triển cùng với công ty một cách bền vững.

Những nguyên tắc tuyển dụng của Dolico không chỉ dựa trên khả năng và kỹ năng của ứng viên mà còn được xây dựng trên cơ sở của công bằng và minh bạch. Dolico không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, quê quán, tôn giáo và giới tính. Mục tiêu của chúng tôi là tạo ra một môi trường làm việc đa dạng và tích cực, nơi mà mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển và thăng tiến dựa trên năng lực và sự đóng góp của mình.

### Môi trường công việc

Tại Dolico, Công ty xây dựng cho cán bộ công nhân viên môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và khuyến khích sự cạnh tranh tích cực. Khi gia nhập Công ty, nhân viên sẽ được hướng dẫn kỹ lưỡng để dễ dàng thích nghi với văn hóa doanh nghiệp và hiểu rõ những trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của mình trong môi trường làm việc chung. Ngoài ra, Công ty luôn quản lý nhân sự một cách công bằng, tạo điều kiện để các nhân viên có mối quan hệ tốt đẹp và hợp tác với nhau, đồng thời nâng cao hiệu quả và năng suất làm việc.



### Về phúc lợi, đãi ngộ

Công ty luôn ngày một hoàn thiện chính sách đãi ngộ với mục tiêu tạo ra môi trường làm việc để người lao động có thể an tâm gắn bó lâu dài và duy trì văn hóa doanh nghiệp. Công ty đảm bảo chi trả lương, thưởng và trích nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo đúng thời gian quy định cho tất cả nhân viên trong Công ty. Dolico cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có tang lễ... nhằm chia sẻ, động viên và quan tâm đến người lao động. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức nhiều hoạt động thể thao, văn nghệ, chúc mừng sinh nhật cho nhân viên, cũng như tổ chức các hoạt động tình nguyện, vì cộng đồng,... nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, thân thiện giữa các nhân viên, góp phần vào sự phát triển của xã hội.

### Về lương, thưởng

Công ty luôn quan tâm đến việc tạo điều kiện để nhân viên ổn định đời sống, không chỉ có quy chế lương, thưởng minh bạch, rõ ràng và hợp lý mà Công ty còn có chính sách tăng lương dựa trên năng lực, cấp bậc và thâm niên của nhân viên. Nhằm giữ chân người lao động, Công ty cũng không ngừng nỗ lực nâng mức thu nhập của cán bộ công nhân viên để có thể cạnh tranh với các Công ty khác trong ngành. Chế độ tiền lương của Dolico được đảm bảo công bằng, phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu suất và chất lượng công việc của từng nhân viên. Mục đích của việc này nhằm động viên, khuyến khích người lao động cố gắng phấn đấu hết mình vì sự phát triển bền vững của Dolico.

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai không có Công ty con, Công ty liên kết.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % 2023/2022 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 214.156 | 201.368 | 94,03% |
| 2 | Doanh thu thuần | 304.919 | 279.991 | 91,82% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 27.758 | 11.820 | 42,58% |
| 4 | Lợi nhuận khác | (705) | (100) | - |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 27.052 | 11.720 | 43,32% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 22.621 | 9.652 | 42,67% |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 11,76% | 4,22% | 35,88% |

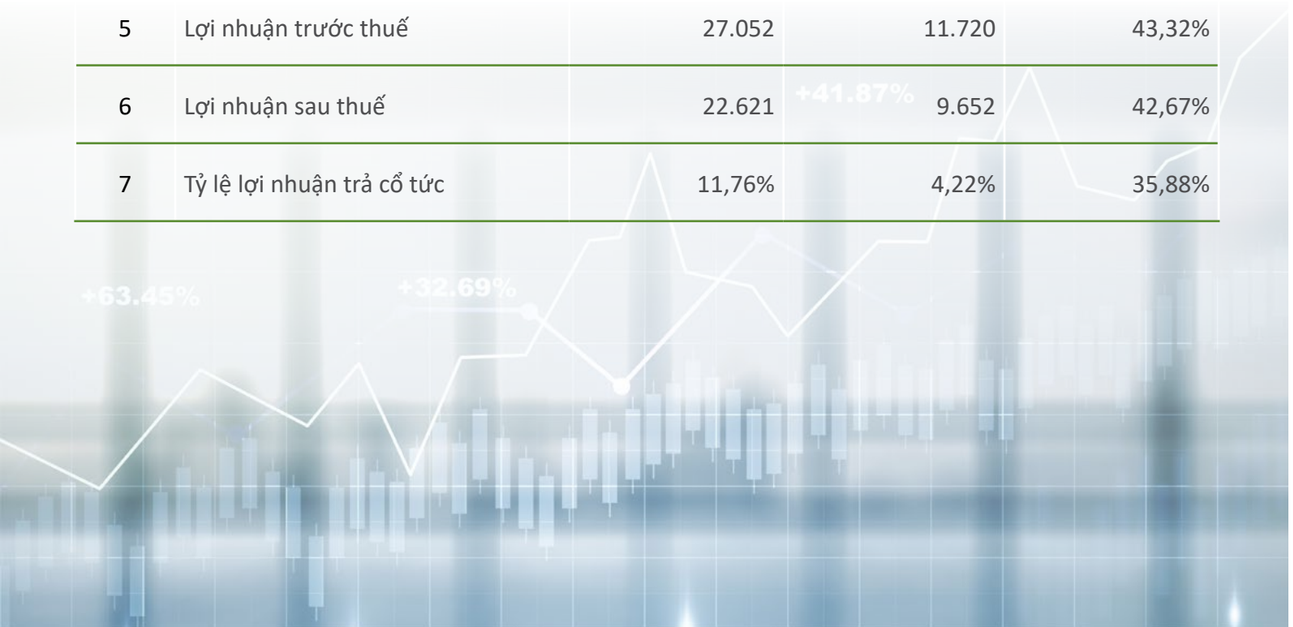




## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---|---|---|---|
| **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 4,00 | 5,29 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 2,28 | 3,86 |
| **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 18,40 | 15,12 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 22,56 | 17,81 |
| **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 4,12 | 4,78 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,29 | 1,35 |
| **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | % | 7,42% | 3,45% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | % | 11,32% | 5,58% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) | % | 9,59% | 4,65% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 9,10% | 4,22% |

# CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty năm 2023 có xu hướng tăng. Trong đó, chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 5,29 lần, tăng 32,08% và chỉ số khả năng thanh toán nhanh đạt 3,86 lần, tăng 69,19% so với năm 2022. Nhìn chung, các chỉ số này đều ở mức tương đối cao, thể hiện Công ty có đủ khả năng chi trả cho các khoản nợ, năng lực tài chính cao.

Một trong những nguyên nhân chính của sự tăng trưởng này là vì tài sản ngắn hạn của Công ty tăng, tại thời điểm 01/01/2023 ghi nhận đạt 160.929 triệu đồng, đạt 102,03% so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu đến từ việc Công ty nâng mức các khoản đầu tư ngắn hạn, gửi tiền có kỳ hạn của Công ty. Đồng thời, nợ ngắn hạn của Dolico cũng có xu hướng giảm mạnh, tại thời điểm cuối năm đạt 30.448 triệu đồng, giảm 22,75% so với cùng kỳ năm trước. Bởi Công ty đã chú trọng trong công tác quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, cân đối dòng tiền để có thể đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

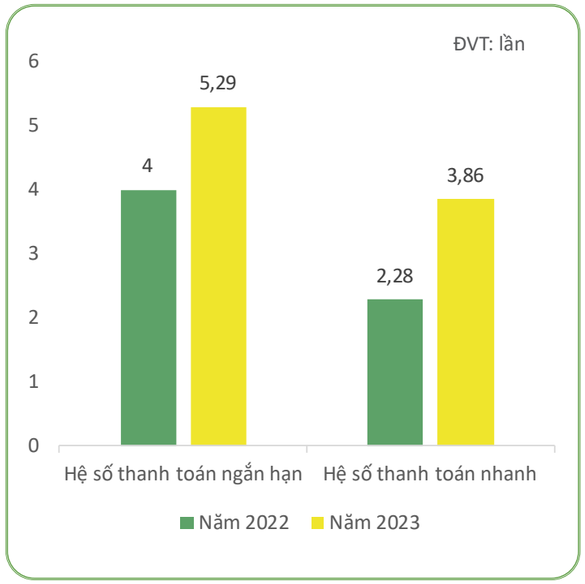


## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Nhóm chỉ số về năng lực hoạt động của Dolico đều có xu hướng tăng trong năm 2023. Trong đó, vòng quay hàng tồn kho đạt 4,78 vòng. Nguyên nhân chính đến từ việc lượng hàng tồn kho trong năm giảm mạnh, đạt 43.455 triệu đồng tại thời điểm cuối năm, giảm 35,95% so với cùng kỳ năm 2022, do đàn heo của Công ty đã đến thời gian xuất chuồng. Nhìn chung, chỉ số này đủ lớn để đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu các đơn hàng hiện tại, các đơn hàng trong kế hoạch sắp tới và một phần dự phòng cho các đơn hàng có thể phát sinh.

Đồng thời, chỉ số vòng quay tổng tài sản của Dolico cũng tăng từ 1,29 vòng lên 1,35 vòng. chủ yếu vì sự giảm nhẹ doanh thu thuần của Công ty trong năm, giảm 8,18%, bởi những ảnh hưởng của thị trường, khiến cho nhu cầu tiêu thụ và giá thành sản phẩm đầu ra của thịt heo giảm mạnh. Ngoài ra, tổng tài sản giai đoạn cuối năm của Công ty cũng có xu hướng giảm 5,97% so với cùng kỳ năm 2022. Có thể thấy, chỉ số này của Dolico tương đối cao so với trung bình ngành, thể hiện Công ty đã sử dụng tài sản hiệu quả, tạo ra mức lợi nhuận dương.

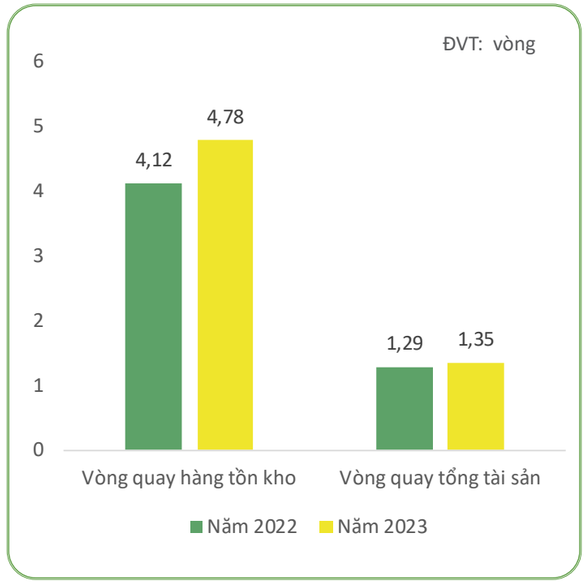


## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

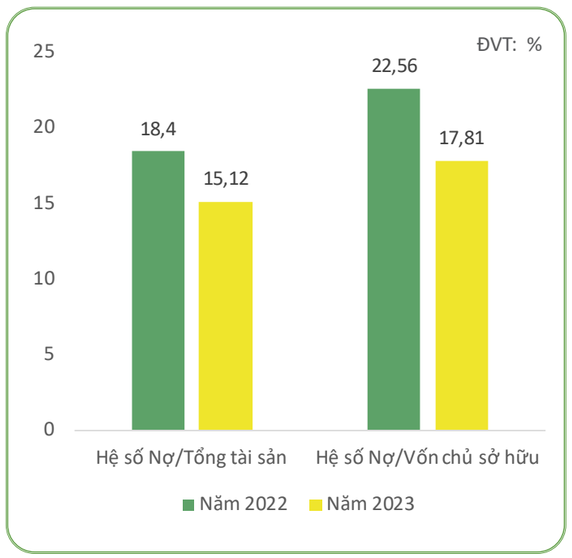


Hai chỉ số trong chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2023 có sự giảm nhẹ so với năm 2022, hệ số Nợ/Tổng tài sản đạt 15,12% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 18,40%. Nhìn chung, hai chỉ số này đều ở mức ổn định.

Vốn dĩ có sự suy giảm này là vì các chỉ tiêu tổng tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm đều có xu hướng giảm, thế nhưng tốc độ giảm của nợ phải trả vẫn mạnh nhất, đạt 30.448 triệu đồng, giảm 22,75% so với cùng kỳ năm 2022. Công ty đã có những chính sách quản lý công nợ phải thu và phải trả vô cùng chặt chẽ, không gây phát sinh các khoản nợ dài hạn, từ đó giúp đảm bảo nguồn vốn để Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng tài sản của Dolico tại thời điểm cuối năm ghi nhận đạt 201.368 triệu đồng, giảm 5,97%, chủ yếu đến từ việc Công ty thực hiện trích khấu hao các tài sản cố định và giảm các khoản chi trả trước dài hạn. Đồng thời, vốn chủ sở hữu Công ty đạt 170.919 triệu đồng tại ngày 31/12/2023, giảm 2,19% so với cùng kỳ năm 2022.

## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

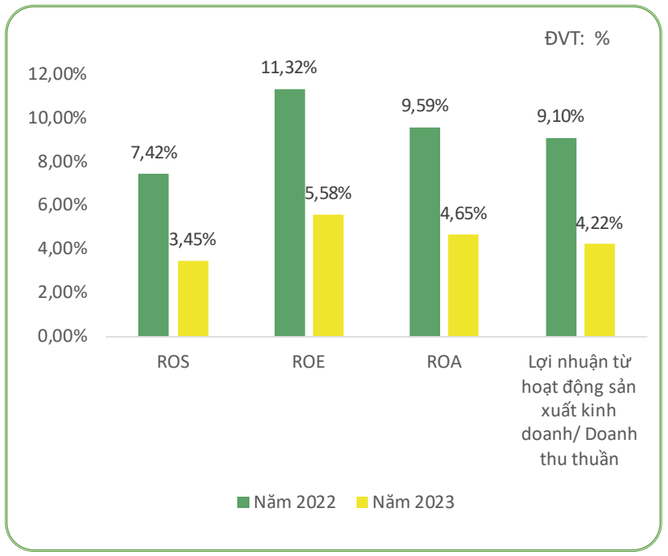


Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai đều có xu hướng giảm so với năm 2022. Lần lượt ROS, ROE, ROA và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ doanh thu thuần của Công ty lần lượt đạt 3,45%, 5,58%, 4,65% và 4,22%. Nguyên nhân chính đến từ sự suy giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty, chỉ đạt 9.652 triệu đồng, giảm 57,33% so với năm trước. Trong năm, Công ty đã trải qua rất nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh bởi những ảnh hưởng chung của nền kinh tế, cũng như áp lực của dịch bệnh trên đàn gia súc, giá cả đầu vào ngành chăn nuôi vẫn ở mức cao... tạo ra nhiều thách thức cho Dolico.

Tuy vậy, các chỉ số này đều duy trì ở mức dương, thể hiện tinh thần đoàn kết, sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong công tác ổn định và phát triển Công ty năm vừa qua.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## CỔ PHIẾU

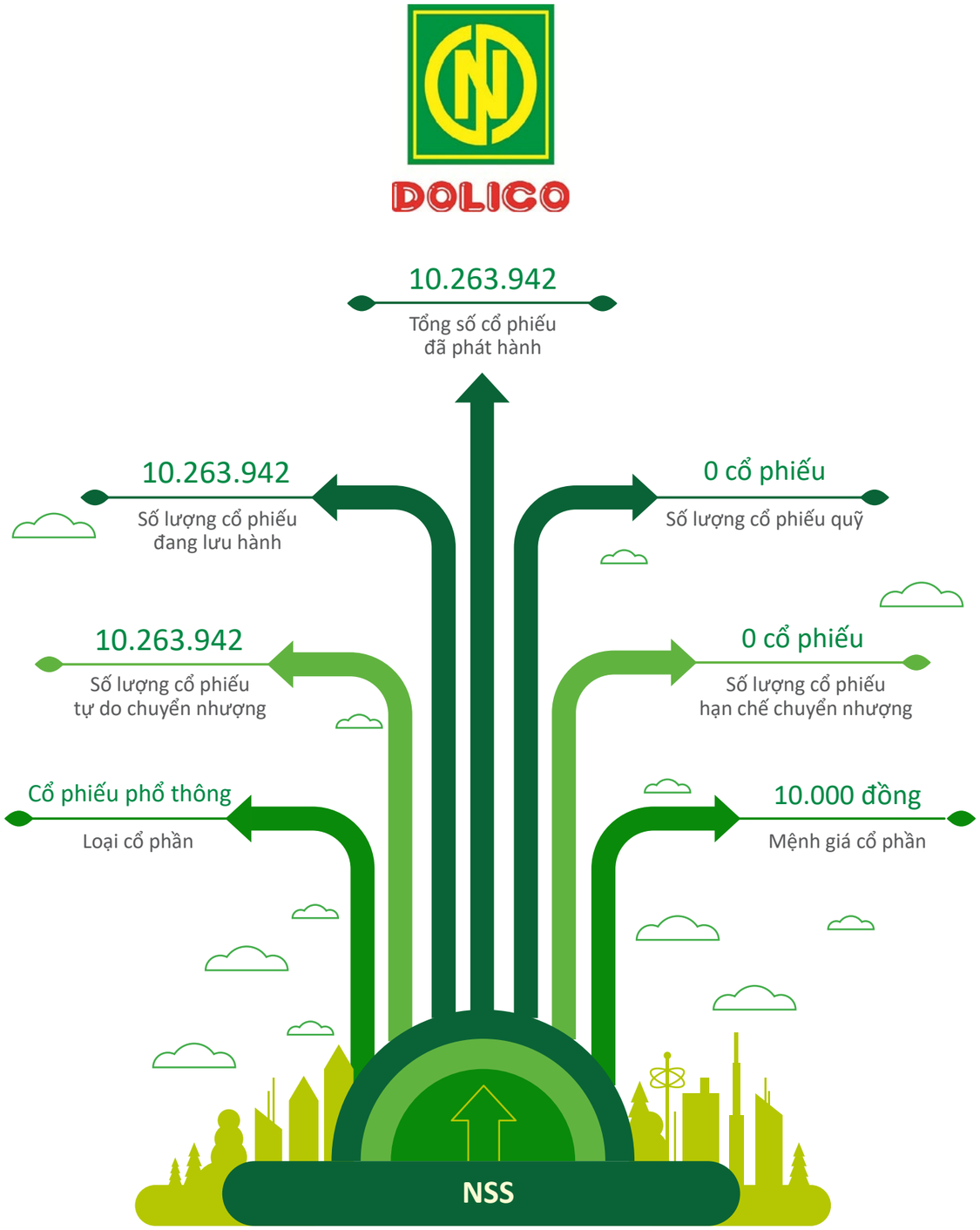


## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 31/12/2023

| STT | Loại cổ đông | Số cổ phần | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Cổ đông trong nước** | **10.263.942** | **102.639.420.000** | **100%** |
| 1 | Cá nhân | 1.590.900 | 15.909.000.000 | 15,50% |
| 2 | Tổ chức | 8.673.042 | 86.730.420.000 | 84,50% |
| **II** | **Cổ đông nước ngoài** | - | - | - |
| | **Tổng cộng** | **10.263.942** | **102.639.420.000** | **100%** |

**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:** 0%

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| Tên tổ chức/cá nhân | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ/VĐL |
|---|---|---|
| Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – Một thành viên Công ty TNHH | 8.654.142 | 84,32% |
| Lê Thị Khánh Xương | 810.000 | 7,89% |

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Thời điểm | VĐL tăng thêm | VĐL sau phát hành | Phương thức phát hành |
|---|---|---|---|
| 2010 | 34.213 triệu đồng | 68.426 triệu đồng | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 |
| 2016 | 34.213 triệu đồng | 102.639 triệu đồng | Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 2:1 |

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

## CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Dolico không chỉ là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, mà còn là một phần của cộng đồng và môi trường xung quanh. Dolico nhận thức rõ rằng, môi trường luôn là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá trong mọi lĩnh vực và đời sống của con người, đặc biệt là trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Một môi trường trong lành, xanh, sạch, đẹp không chỉ là chìa khóa giúp cải thiện chất lượng đàn heo mà còn là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Với nhận thức này, Dolico luôn chủ động kiểm soát và xử lý chất thải chăn nuôi, giữ vững được an toàn sinh học và tăng cường sức khỏe cho đàn giống.

Để hạn chế tối đa mùi phát tán ra môi trường bên ngoài, Công ty đã đầu tư xây dựng khuôn viên chuồng bài bản, có hệ thống thu gom và xử lý chất thải đồng bộ. Đồng thời, Dolico cũng đầu tư vào hệ thống làm mát, hút gió và hút mùi để đảm bảo rằng chuồng chăn nuôi luôn trong điều kiện khô thoáng, giúp giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

Ngoài ra, Dolico ưu tiên sử dụng sản phẩm tái chế, hạn chế sử dụng túi nilông, tiết kiệm điện, nước và trồng nhiều cây xanh. Dolico cũng đặt ra những quy định và hướng dẫn cụ thể về việc bảo vệ môi trường và xử lý chất thải, khuyến khích người lao động tuân thủ và thực hiện theo đúng quy định. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường mà còn nâng cao nhận thức và chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân trong tổ chức.

## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong công tác bảo vệ môi trường, Dolico luôn coi trọng và tuân thủ mọi quy định của Luật bảo vệ môi trường do Nhà nước ban hành. Công ty luôn thực hiện đầy đủ các công tác giám sát, kiểm tra, lập kế hoạch và báo cáo định kỳ theo quy định, nhằm đảm bảo rằng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều được thực hiện một cách hợp pháp và có hiệu quả môi trường.

Ngoài việc thực hiện các biện pháp kiểm soát và giám sát, Dolico cũng tập trung vào việc tuyên truyền và nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên. Công ty luôn duy trì một môi trường làm việc vệ sinh, an toàn và bảo vệ môi trường tại khuôn viên Công ty. Điều này không chỉ là trách nhiệm của các cá nhân mà còn là trách nhiệm của toàn bộ tổ chức.

Ngoài ra, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng xung quanh, Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và xử lý chất thải một cách hiệu quả. Đồng thời, Công ty cũng hướng dẫn và khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động tình nguyện nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường sống.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng số lượng người lao động bình quân trong năm (người) | 127 | 127 | 123 | 113 |
| Thu nhập bình quân (đồng/ người/tháng) | 12.780.000 | 12.780.000 | 14.500.000 | 14.700.000 |

Dolico luôn chú trọng đến việc xây dựng chính sách nhân sự bình đẳng cho mọi cá nhân có năng lực được thăng tiến trong công việc. Hằng năm, Công ty duy trì các chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng chức,... tương xứng với nỗ lực và kết quả đạt được. Tất cả nhân viên trong Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được trả lương đúng hạn và được hưởng đầy đủ các quyền lợi, chế độ bảo hiểm (bao gồm BHYT, BHLĐ, BHTN...) theo đúng quy định Pháp luật. Đồng thời, Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động có thể tham gia những khóa học, đào tạo nhằm cải thiện các kỹ năng và nâng cao tay nghề. Cùng với đó, Dolico còn luôn quan tâm đến đời sống sức khỏe và tinh thần của người lao động, Công ty thực hiện tổ chức các hoạt động đoàn thể, văn nghệ, thể thao nhằm gắn kết cán bộ công nhân viên và tạo môi trường làm việc vui tươi, thoải mái.

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đối với Dolico, việc thực hiện các trách nhiệm cộng đồng không chỉ là nghĩa vụ đạo đức của doanh nghiệp, mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội, từ đó tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh và ổn định. Tại địa bàn hoạt động của Công ty – tỉnh Đồng Nai, hằng năm, Công ty thường xuyên tham gia các chương trình hỗ trợ của UBND, Sở và các ban ngành khác... Ngoài ra, Công ty còn thực hiện tổ chức các hoạt động xã hội cộng đồng, các hoạt động từ thiện, thăm viếng, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn... Từ đó, giúp Công ty nâng cao hình ảnh, tăng cường uy tín trong mắt khách hàng và đối tác.

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Dolico rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

# CHƯƠNG 3

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2023, tình hình suy thoái kinh tế và các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới vẫn tiếp tục diễn ra, gây ra nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Thế nhưng với sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai đã hoàn thành tương đối tốt các kế hoạch, mục tiêu đề ra. Sau đây là những thuận lợi và khó khăn mà Công ty trải qua trong quá trình thực hiện.

### Thuận lợi

- Nhận được sự quan tâm và chỉ đạo từ phía Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.
- Sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát trong quá trình điều hành, quản lý và giám sát tình hình hoạt động Công ty.
- Có lượng khách hàng truyền thống duy trì ổn định nhờ vào sự hỗ trợ của Công ty mẹ.
- Dolico đang tự sản xuất thức ăn đầu vào cho đàn heo nên có thể dễ dàng chủ động trong việc tiết kiệm chi phí.

### Khó khăn

- Sự thay đổi về chính sách, cấm vận, thuế khoá trên thế giới liên tục thay đổi cho nên việc tính toán quan hệ cung cầu trong sản xuất kinh doanh và thị trường không sát và không lường trước được, có thể nói là khó dự đoán.
- Lãi suất ngân hàng tăng làm cho các doanh nghiệp khó mở rộng sản xuất và đầu tư mới. Nhiều công ty, nhà máy thu hẹp sản xuất, giải thể... Công nhân thiếu việc làm dẫn đến thắt chặt chi tiêu, sức tiêu dùng kém.
- Giá cả đầu vào của ngành chăn nuôi tiếp tục tăng hoặc đứng mức cao như bắp, nành, cám mì, cám gạo, vitamin, thuốc kháng sinh, các loại vaccin...
- Những tháng cuối năm 2023, tình hình dịch bệnh ở đàn heo trên khắp cả nước như Dịch tả lợn Châu Phi bùng phát mạnh. Các nguyên nhân là do thời tiết bất thường, tình trạng buôn bán, vận chuyển, nhập lậu, giết mổ không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm... đã làm phát tán mầm bệnh. Điều này có thể tác động trực tiếp đến sức khỏe đàn heo, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm đầu ra.
- Giá heo hơi xuất chuồng liên tục giảm thấp hơn so với năm 2022, có thời điểm xuống dưới giá thành sản xuất.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | TH 2023/ TH 2022 | Tỷ trọng năm 2022 | Tỷ trọng năm 2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tài sản ngắn hạn | 157.722 | 160.929 | 102,03% | 73,65% | 79,92% |
| Tài sản dài hạn | 56.434 | 40.439 | 71,66% | 26,35% | 20,08% |
| **Tổng tài sản** | **214.156** | **201.368** | **94,03%** | **100,00%** | **100,00%** |

Tại ngày 31/12/2023, tổng tài sản của Dolico ghi nhận đạt 201.368 triệu đồng, tương đương 94,03% so với cùng kỳ năm 2022. Vốn dĩ có sự suy giảm là vì lượng tài sản dài hạn của Công ty có xu hướng giảm, đạt 40,439 triệu đồng, tương đương 71,66% so với cùng kỳ năm trước. Bởi trong năm, Công ty đã thực hiện trích khấu hao các tài sản cố định và giảm các khoản chi trả trước dài hạn. Đồng thời, tài sản dài hạn của Công ty có sự tăng trưởng nhẹ, đạt 160.929 triệu đồng, tăng 2,03%. Công ty đã thực hiện đầu tư ngắn hạn với khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 114.500 triệu đồng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,8%/năm.

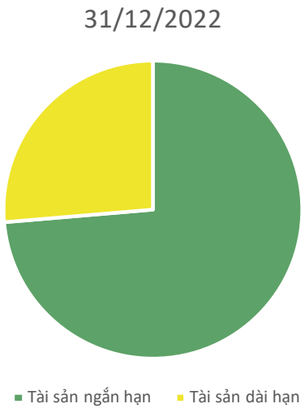


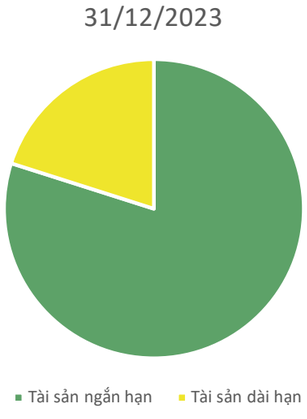


## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | TH 2023/ TH 2022 | Tỷ trọng năm 2022 | Tỷ trọng năm 2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| Nợ ngắn hạn | 39.414 | 30.448 | 77,25 | 100% | 100% |
| Nợ dài hạn | - | - | - | - | - |
| **Tổng nợ phải trả** | **39.414** | **30.448** | **77,25** | **100%** | **100%** |

Tại thời điểm cuối năm 2023, tổng nợ phải trả của Dolico đạt 30.448 triệu đồng, giảm 22,75% so với cùng kỳ năm 2022 và tất cả đều là nợ ngắn hạn. Sự suy giảm chủ yếu đến từ việc công ty đã thực hiện tốt công tác thanh toán các khoản phải trả người bán, phải trả người lao động và các khoản phải trả ngắn hạn khác.

Dolico luôn chú ý đến luân chuyển dòng tiền một cách hiệu quả nhất, từ việc quản lý tốt công nợ phải thu, nợ phải trả đều nằm dưới mức quy định, số tiền nhàn rỗi cũng được đưa ngay vào lưu thông.

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2023, Bộ máy quản lý của Công ty ngày càng được cải tiến và trở nên hoàn thiện hơn. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành đánh giá lại hiện trạng, chuẩn hóa lại cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban và thiết kế lại hệ thống vị trí công việc theo xu hướng thị trường.

Công tác bồi dưỡng cán bộ cũng được Công ty chú tâm, tập trung nâng cao năng lực quản trị. Ban lãnh đạo Công ty cũng có các chính sách nhằm tối thiểu hóa chi phí một cách kịp hợp và hiệu quả, nâng cao năng suất lao động của cán bộ công nhân viên.

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

- Tối thiểu hóa những rủi ro do tình hình dịch bệnh ở vật nuôi gây ra.
- Phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Đảm bảo thu nhập, việc làm đầy đủ cho người lao động.
- Nộp ngân sách đầy đủ theo quy định của Pháp luật.
- Chú trọng thực hiện công tác an ninh, bảo vệ tài sản của Công ty, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, tránh lãnh phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh... để góp phần mang lại sự phát triển bền vững cho Công ty.

Căn cứ vào tình hình nội tại và dự báo thị trường, Dolico đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch |
|---|---|---|---|
| 1 | Sản lượng thị heo | Tấn | 2.040 |
| 2 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 113.500 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 5.800 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 4.725 |
| 5 | Nộp ngân sách | Triệu đồng | 3.300 |

Các giải pháp thực hiện

- Tuân thủ các nguyên tắc an toàn sinh học và thực hiện tốt các biện pháp phong tránh dịch bệnh cho đàn heo.
- Áp dụng các biện pháp, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến để tiết kiệm nguồn lực và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đánh giá, so sánh chất lượng, giá cả cám tự sản xuất với cám mua ngoài của các nhà máy, để sản xuất sử dụng phù hợp với nhu cầu của đàn heo và tiết kiệm chi phi phí.
- Áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, phần mềm vào sản xuất như phần mềm Feed live để thiết lập công thức thức ăn gia súc, phần mềm Herdsman để quản lý trang trại... nhằm tăng năng suất hoạt động.
- Duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng cũ, đồng thời tăng cường tìm kiếm các mối quan hệ với khách hàng mới, giúp nâng cao doanh số và lợi nhuận.
- Thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách tiền lương, cũng như đóng nộp đủ các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Tại cơ sở sản xuất luôn đảm bảo công tác An toàn thực phẩm, An toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường để giảm thiểu những rủi ro không đáng có.

# GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi, chính vì vậy, hoạt động quản lý môi trường trong chăn nuôi là một vấn đề cấp thiết, cần được đảm bảo và xử lý tốt để giữ cho môi trường sạch sẽ và không gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh. Công ty đã thực hiện những chính sách chăn nuôi bền vững, gắn liền với việc hạn chế tối đa các tác động gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Đồng thời, việc quản lý nguồn nước sạch và xử lý nước thải theo đúng quy định cũng là một trong những vấn đề được Công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện. Cùng với đó, Công ty luôn thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích người lao động nâng cao ý thức tự giác của mình trong việc bảo vệ môi trường.

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Dolico nhận thức được rằng người lao động luôn là yếu tố quan trọng, quyết định sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty, chính vì thế, Ban lãnh đạo của Công ty đã vô cùng chú trọng đến việc thu hút nhân tài có trình độ chuyên môn cao. Tại Dolico, người lao động được làm việc và phát triển trong một môi trường năng động và chuyên nghiệp. Công ty còn thường xuyên tạo điều kiện cho nhân viên được tham gia những khóa học đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao năng lực và kỹ năng chuyên môn. Đồng thời, để tạo động lực làm việc và giữ chân người lao động, Công ty đã duy trì chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng cấp... tương xứng với nỗ lực và kết quả mà nhân viên đó đã đóng góp cho Công ty. Ngoài ra, Dolico còn quan tâm đến cả sức khỏe thể chất lẫn sức khỏe tinh thần của toàn thể cán bộ công nhân viên, thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, du lịch... nhằm gắn kết nội bộ và tạo tinh thần làm việc cho đội ngũ nhân viên.

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong quá trình hoạt động, Dolico không chỉ quan tâm đến mỗi yếu tố lợi nhuận mà còn quan tâm đến các mục tiêu, chính sách liên quan đến cộng đồng. Dolico đã phối hợp với chính quyền địa phương và kêu gọi người lao động cùng tham gia các hoạt động tình nguyện, thăm hỏi những gia đình có công với cách mạng, chính sách, có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, người già neo đơn...

# CHƯƠNG 4

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chú trọng đầu tư, phát triển vào ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi heo, nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Đưa ra những biện pháp nhằm giảm thiểu và tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, góp phần tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.
- Có những biện pháp, kế hoạch hợp lý để phòng chống dịch bệnh trên đàn heo, nhằm giải quyết kịp thời các đơn hàng, yêu cầu thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## Công tác tài chính

- Tăng cường phối hợp chặc chẽ với Ban Kiểm soát trong công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động của công ty, nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn đầu tư của các cổ đông, có được được độ an toàn về tài chính và đem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- Công khai, minh bạch và hoạt động đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời chủ động và linh hoạt hơn trong việc giải quyết các vấn đề về vốn của các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư. Từ đó giúp nâng cao hiệu quả việc sử dụng đồng vốn và bảo toàn vốn trong quá trình hoạt động.

## Công tác nhân sự

- Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về lương và phúc lợi của người lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Đồng thời Dolico thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Xây dựng chế độ lương, thưởng hấp dẫn nhằm thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao để góp phần phát triển Công ty.
- Thường xuyên thực hiện công tác đào tạo, huấn luyện nội bộ, khuyến khích người lao động học tập, hoàn thiện và phát triển bản thân nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn.

## Công tác thị trường và xây dựng thương hiệu

- Tìm kiếm thêm khách hàng, mở rộng thị phần tại Đồng Nai và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Bình Phước, các tỉnh miền tây, TP. Hồ Chí Minh...
- Ban Giám đốc đề ra những chính sách bán hàng phù hợp theo từng giai đoạn, chương trình hậu mãi với từng đối tượng khách hàng mua sản phẩm của Dolico.
- Tăng cường chào hàng, quảng cáo sản phẩm trên Website, báo, đài, truyền hình, các hội thảo, diễn đàn chăn nuôi.

## Công tác môi trường

- Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, thực hiện xử lý nước thải theo đúng quy định của Pháp luật.
- Tăng cường, đảm bảo diện tích cây xanh trong khuôn viên công ty đạt tiêu chuẩn để tạo sự thoáng mát, cải thiện điều kiện khí hậu, ngăn bụi và giảm thiểu tiếng ồn.
- Nhắc nhở, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người lao động thông qua các hoạt động tuyên truyền, đào tạo nội bộ.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

"

Hội đồng quản trị giám sát Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

Năm 2023, tình hình kinh tế chung trên cả nước gặp nhiều khó khăn, giá heo hơi xuất chuồng có xu hướng giảm so với năm 2022. Thế nhưng, Ban điều hành đã vô cùng nỗ lực và linh hoạt trong việc lãnh đạo Công ty, đưa ra nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp, kịp thời trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp việc sử dụng sử dụng các nguồn lực hiệu quả hơn, đặc trọng tâm vào sự phát triển chăn nuôi của đơn vị.

Những thành tích tốt đạt được trong quá trình sản xuất kinh doanh chính là thành quả cho sự phấn đấu, cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, từ đó đặt nền móng cho việc phát triển chăn nuôi bền vững trong những năm tiếp theo.

"

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện những giải pháp tối ưu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng quản trị Công ty;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Xây dựng kế hoạch sử dụng tối đa các nguồn lực hiện có, đồng thời tìm cách khắc phục những khó khăn tồn tại trong thời gian qua để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Đảm bảo việc quản trị Công ty phải dựa trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty;
- Thực hiện duy trì đều đặn những phiên họp thường kỳ, tối thiểu mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, kịp thời định hướng và điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho phù hợp với tình hình thị trường, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban Giám đốc.

# CHƯƠNG 5

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Tính tại ngày 01/04/2024*

| STT | Thành viên | Chức vụ | Đại diện sở hữu | | Sở hữu cá nhân | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| 1 | Ông Đinh Văn Hồng | Chủ tịch HĐQT | 4.154.142 | 40,47% | 0 | 0,00% |
| 2 | Ông Đinh Ngọc Mến | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc | 1.500.000 | 14,61% | 3.400 | 0,03% |
| 3 | Ông Trần Minh Phương | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 1.500.000 | 14,61% | 67.800 | 0,66% |
| 4 | Ông Lâm Hùng Phương | Thành viên HĐQT không điều hành | - | - | 35.600 | 0,35% |
| 5 | Ông Nguyễn Sỹ Sinh | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc kỹ thuật | - | - | 1.300 | 0,01% |

**Ông Đinh Văn Hồng – Chủ tịch HĐQT**

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

Đại diện sở hữu: Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 4.154.142 cổ phần, chiếm 40,47% VĐL

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

**Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác:** Không có

**Ông Đinh Ngọc Mến – Phó chủ tịch HĐQT**

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

Đại diện sở hữu: Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VĐL

Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm 0,03% VĐL

**Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác:** Không có

**Ông Trần Minh Phương – Thành viên HĐQT**

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

Đại diện sở hữu: Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VĐL

Sở hữu cá nhân: 67.800 cổ phần, chiếm 0,66% VĐL

**Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác:** Không có

**Ông Lâm Hùng Phương – Thành viên HĐQT**

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 35.600 cổ phần, chiếm 0,35% VĐL

**Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác:** Không có

**Ông Nguyễn Sỹ Sinh – Thành viên HĐQT**

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phần, chiếm 0,01% VĐL

**Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác:** Không có

## DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Nguyễn Diên Tường | Phó chủ tịch HĐQT | | 19/02/2024 |
| 2 | Ông Đinh Ngọc Mến | Phó chủ tịch HĐQT | 19/02/2024 | |
| 3 | Ông Đinh Ngọc Mến | Thành viên HĐQT | | 16/06/2023 |
| 4 | Ông Nguyễn Sỹ Sinh | Thành viên HĐQT | 16/06/2023 | |

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT giám sát các hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triên khai đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Ban hành kịp thời các quyết định, nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chi đạo Ban Giám Đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật.
- Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám Đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.
- Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi HĐQT, đồng thời qua các buổi họp HĐQT, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.
- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn, do bệnh dịch tả heo Châu Phi vẫn xảy ra trên đàn heo ở nhiều địa phương, giá nhiên, nguyên vật liệu tuy có giảm nhưng vẫn ở mức giá cao, làm cho chi phí chăn nuôi tăng lên, do đó làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Với sự nỗ lực trong điều hành sản xuất của Ban Điều hành, tập thể cán bộ công nhân viên đã phấn đấu vượt qua khó khăn, đạt hiệu quả về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận trong năm 2023.

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Đinh Văn Hồng | Chủ tịch HĐQT | 07/07 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Diên Tường | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc | 07/07 | 100% | |
| 3 | Ông Trần Minh Phương | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 07/07 | 100% | |
| 4 | Ông Đinh Ngọc Mến | Thành viên HĐQT | 03/03 | 100% | Miễn nhiệm ngày 16/06/2023 |
| 5 | Ông Lâm Hùng Phương | Thành viên HĐQT | 07/07 | 100% | |
| 6 | Ông Nguyễn Sỹ Sinh | Thành viên HĐQT | 04/04 | 100% | Bổ nhiệm ngày 16/06/20203 |



## CÁC NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH TRONG NĂM

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 30/03/2023 | Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, dự ước¬ thực hiện quí I năm 2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2023, quyết toán tiền lương năm 2022. | 100% |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 20/04/2023 | Thống nhất địa điểm và thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, nhân sự thành viên HĐQT. | 100% |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 25/05/2023 | Thống nhất thời gian, địa điểm và tài liệu trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. | 100% |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 13/9/2023 | Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023, kể hoạch và các giải pháp thực hiện quý III, quý lV năm 2023. | 100% |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 12/10/2023 | Thống nhất thực hiện các thủ tục theo quy định trả tiếp cổ tức còn lại năm 2022. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. | 100% |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 06/12/2023 | Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 (dự ước), thông qua thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền. | 100% |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 30/12/2023 | Thống nhất miễn nhiệm, bổ nhiệm nhân sự quản lý, điều hành tại Công ty, thống nhất tiến hành Đại hội đồng cổ đông Công ty dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2025. | 100% |
| 8 | 01/QĐ.HĐQT | 10/07/2023 | Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty. | 100% |
| 9 | 02/QĐ.HĐQT | 30/12/2023 | Về việc miễn nhiệm Giám đốc Công ty. | 100% |
| 10 | 03/QĐ.HĐQT | 30/12/2023 | Về việc miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty – Kế toán trưởng Công ty. | 100% |
| 11 | 04/QĐ.HĐQT | 30/12/2023 | Về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty | 100% |
| 12 | 05/QĐ.HĐQT | 30/12/2023 | Về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty. | 100% |

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

## DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

# BAN KIỂM SOÁT

## THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Tính tại ngày 01/04/2024*

| STT | Thành viên | Chức vụ | Đại diện sở hữu | | Sở hữu cá nhân | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| 1 | Bà Phan Thị Hiền Nhi | Trưởng BKS | 0 | 0,00% | 5.000 | 0,05% |
| 2 | Bà Ngô Thị Cẩm Hà | Thành viên BKS | 1.500.000 | 14,61% | 0 | 0,00% |
| 3 | Ông Nguyễn Minh Tiến | Thành viên BKS | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |

## DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Hoàng Ngọc Long | Trưởng BKS | | 19/02/2024 |
| 2 | Bà Phan Thị Hiền Nhi | Trưởng BKS | 19/02/2024 | |

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

**Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan, Ban Giám đốc đã và đang triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Trong năm 2023, HĐQT có sự thay đổi về nhân sự: Miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT theo văn bản số 655/SGDHN-QLNY ngày 04/04/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội v/v tuân thủ quy định về những người không được làm kế toán tại khoản 4 Điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 và tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, đảm bảo đủ số lượng 05 thành viên HĐQT.
- Công tác công bố thông tin, báo cáo quản trị được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của Công ty và cổ đông. Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đúng quy định.
- Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu nại hay yêu cầu chất vấn của Cổ đông về các hoạt động của Công ty, công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh hoặc nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Điều hành Công ty.



**Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Ban Kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị đê nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có những ý kiến góp ý đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. cũng như việc tuân thủ pháp luật, triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

**Hoạt động khác của Ban kiểm soát:** Không có

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Hoàng Ngọc Long | Trưởng BKS | 03/03 | 100% |
| 2 | Bà Ngô Thị Cẩm Hà | Thành viên BKS | 03/03 | 100% |
| 3 | Ông Nguyễn Minh Tiến | Thành viên BKS | 03/03 | 100% |

**Nêu nội dung và kết quả của các cuộc họp**

Ban kiểm soát đã tổ chức 4 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau

| STT | Số Biên bản | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | 01/BKS | 20/4/2023 | Rà soát số liệu BCTC năm 2022, lập báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. |
| 2 | 02/BKS | 13/9/2023 | Rà soát số liệu BCTC 6 tháng năm 2023. |
| 3 | 03/BKS | 6/12/2023 | Rà soát số liệu BCTC 9 tháng năm 2023. |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

*ĐVT: Đồng*

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thu nhập |
|---|---|---|---|
| **1** | Ông Đinh Văn Hồng | Chủ tịch HĐQT | 87.000.000 |
| 2 | Ông Nguyễn Diên Tường | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc | 785.332.000 |
| 3 | Ông Trần Minh Phương | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 618.194.000 |
| 4 | Ông Lâm Hùng Phương | Thành viên HĐQT | 60.000.000 |
| **5** | Ông Nguyễn Sỹ Sinh | Thành viên HĐQT | 430.696.000 |
| 6 | Ông Đinh Ngọc Mến | Kế toán trưởng – Người phụ trách quản trị Công ty | 458.204.692 |
| **7** | Ông Hoàng Ngọc Long | Trưởng BKS | 340.585.828 |
| 8 | Bà Ngô Thị Cẩm Hà | Thành viên BKS | 53.000.000 |
| 9 | Ông Nguyễn Minh Tiến | Thành viên BKS | 53.000.000 |

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có



## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng Công ty CNTP Đồng Nai | Công ty mẹ | 3600253505 đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 10/10/2022 tài Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai | 833A, Xa lộ Hà Nội, KP1, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai | 09/06/2023 14/12/2023 | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022 Nghị quyết số 01/ NQĐHĐCĐTN ngày 16/06/2023 | Chi cổ tức năm 2022 bằng tiền: 10.177.270.992 đồng |
| 2 | CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai | Tổ chức có liên quan | 3600333736 đăng ký lần đầu ngày 01/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08/07/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp | Đường số 1, Khi công ng-hiệp Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai | 04/04/2023 12/10/2023 | | Nhận cổ tức năm 2022 bằng tiền: 145.000.000 đồng |

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhìn chung, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai đã thực hiện tốt vai trò quản lý của mình trong năm vừa qua. Dolico luôn tuân thủ, thực hiện đúng theo quy định Pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty.

Đồng thời, Công ty luôn tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các cán bộ quản lý khác được tham gia những khóa đào tạo, hội thảo về quản trị công ty (như Hội thảo giới thiệu Nguyên tắc quản trị công ty mới (sửa đổi) năm 2023, Diễn đàn Vì một Đại hội cổ đông đổi mới và hiệu quả...) để tiếp cận những xu hướng quản trị mới, phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

Ngoài ra, việc quản trị công ty của Dolico luôn gắn liền với những nguyên tắc công bố thông tin do các cơ quan pháp luật quy định nhằm đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong hoạt động kinh doanh.

# CHƯƠNG 6

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

**Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai**
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành Công ty cổ phần theo quyết định số 761/QĐ-CT-UBT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 02 năm 2005.

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Ông | Đinh Văn Hồng | Chủ tịch | |
| Ông | Nguyễn Diên Tường | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 19/02/2024 |
| Ông | Đinh Ngọc Mến | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19/02/2024 |
| Ông | Đinh Ngọc Mến | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 16/06/2023 |
| Ông | Trần Minh Phương | Thành viên | |
| Ông | Lâm Hùng Phương | Thành viên | |
| Ông | Nguyễn Sỹ Sinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/06/2023 |

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Ông | Nguyễn Diên Tường | Giám đốc | Miễn nhiệm từ ngày 01/01/2024 |
| Ông | Đinh Ngọc Mến | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2024 |
| Ông | Trần Minh Phương | Phó Giám đốc | |
| Ông | Nguyễn Sỹ Sinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2024 |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Ông | Hoàng Ngọc Long | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 19/02/2024 |
| Bà | Phan Thị Hiền Nhi | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 19/02/2024 |
| Ông | Nguyễn Minh Tiến | Thành viên | |
| Bà | Ngô Thị Cẩm Hà | Thành viên | |

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



**Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai**
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

M.S.D.N: 3600267730 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

**Nguyễn Diên Tường**
Giám đốc
*Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2024*

Số: 270324.009/BCTC.HCM

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
**Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được lập ngày 27 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

M.S.C.N: 0100111105-006-C.N.H.H. CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH

| | |
|---|---|
| **Trần Trung Hiếu** | **Lê Trường Long** |
| Giám đốc | Kiểm toán viên |
| Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán | Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán |
| Số: 2202-2023-002-1 | Số: 5480-2020-002-1 |

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024*





**Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai**
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 01/01/2023 (Đã điều chỉnh) VND |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **160.929.302.736** | **157.721.988.433** |
| **110** | **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | 03 | **624.687.754** | **5.559.610.162** |
| 111 | 1. Tiền | | 624.687.754 | 3.559.610.162 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | 2.000.000.000 |
| **120** | **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | 04 | **114.500.000.000** | **82.500.000.000** |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 114.500.000.000 | 82.500.000.000 |
| **130** | **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | | **1.643.750.223** | **1.820.509.244** |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 05 | 180.000.000 | 180.000.000 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 06 | 23.255.592 | 150.727.778 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 07 | 1.620.494.631 | 1.615.781.466 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (180.000.000) | (126.000.000) |
| **140** | **IV. Hàng tồn kho** | 09 | **43.454.676.470** | **67.841.869.027** |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 43.454.676.470 | 67.841.869.027 |
| **150** | **V. Tài sản ngắn hạn khác** | | **706.188.289** | **-** |
| 153 | 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 15 | 706.188.289 | - |
| **200** | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **40.438.602.806** | **56.434.450.809** |
| **220** | **I. Tài sản cố định** | | **29.442.640.760** | **35.563.478.580** |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 19.718.063.394 | 25.207.593.629 |
| *222* | *- Nguyên giá* | | *111.153.950.545* | *110.147.687.719* |
| *223* | *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | | *(91.435.887.151)* | *(84.940.094.090)* |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 9.724.577.366 | 10.355.884.951 |
| *228* | *- Nguyên giá* | | *15.019.256.267* | *15.019.256.267* |
| *229* | *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | | *(5.294.678.901)* | *(4.663.371.316)* |
| **250** | **II. Đầu tư tài chính dài hạn** | 04 | **787.000.000** | **1.030.000.000** |
| 253 | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 1.030.000.000 | 1.030.000.000 |
| 254 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | (243.000.000) | - |
| **260** | **III. Tài sản dài hạn khác** | | **10.208.962.046** | **19.840.972.229** |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 10.208.962.046 | 19.840.972.229 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **201.367.905.542** | **214.156.439.242** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*
*(tiếp theo)*

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 01/01/2023 (Đã điều chỉnh) VND |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **C. NỢ PHẢI TRẢ** | | **30.448.465.130** | **39.413.850.648** |
| **310** | **I. Nợ ngắn hạn** | | **30.448.465.130** | **39.413.850.648** |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 3.165.180.000 | 4.776.585.596 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14 | 108.359.445 | 519.887.442 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 143.255.069 | 503.966.867 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 8.934.443.661 | 9.956.233.867 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 180.401.658 | 279.033.995 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 3.171.177.672 | 10.355.763.070 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 14.745.647.625 | 13.022.379.811 |
| **400** | **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **170.919.440.412** | **174.742.588.594** |
| **410** | **I. Vốn chủ sở hữu** | 18 | **170.709.440.412** | **174.322.588.594** |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 102.639.420.000 | 102.639.420.000 |
| *411a* | *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | | *102.639.420.000* | *102.639.420.000* |
| 418 | 2. Quỹ đầu tư phát triển | | 61.772.095.217 | 61.769.264.978 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 6.297.925.195 | 9.913.903.616 |
| *421a* | *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | | *(46.545.715)* | - |
| *421b* | *LNST chưa phân phối kỳ này* | | *6.344.470.910* | *9.913.903.616* |
| **430** | **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | | **210.000.000** | **420.000.000** |
| 432 | 1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | 210.000.000 | 420.000.000 |
| **440** | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **201.367.905.542** | **214.156.439.242** |

| Phan Thị Hiền Nhi | Đinh Ngọc Mến | Nguyễn Diên Tường |
|---|---|---|
| Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| | | *Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2024* |





Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Năm 2023*

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2023 VND | Năm 2022 (Đã điều chỉnh) VND |
|---|---|---|---|---|
| **01** | **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 20 | **279.991.051.000** | **304.919.205.950** |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| **10** | **3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **279.991.051.000** | **304.919.205.950** |
| **11** | **4. Giá vốn hàng bán** | 21 | **265.928.948.319** | **272.832.146.089** |
| **20** | **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **14.062.102.681** | **32.087.059.861** |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 22 | 6.485.442.334 | 5.228.869.538 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 23 | 243.000.000 | - |
| *23* | *Trong đó: Chi phí lãi vay* | | - | - |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 24 | - | 6.060.002 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 8.484.161.925 | 9.552.343.521 |
| **30** | **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **11.820.383.090** | **27.757.525.876** |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 26 | - | 20.145.455 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 27 | 100.400.000 | 725.411.823 |
| **40** | **13. Lợi nhuận khác** | | **(100.400.000)** | **(705.266.368)** |
| **50** | **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **11.719.983.090** | **27.052.259.508** |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 28 | 2.068.329.580 | 4.430.943.118 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| **60** | **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | | **9.651.653.510** | **22.621.316.390** |
| **70** | **18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | 29 | **918** | **1.388** |
| **71** | **19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu** | | - | - |

| Phan Thị Hiền Nhi | Đinh Ngọc Mến | Nguyễn Diên Tường |
|---|---|---|
| Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| | | *Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2024* |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*Năm 2023*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2023 VND | Năm 2022 (Đã điều chỉnh) VND |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| *01* | ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | | ***11.719.983.090*** | ***27.052.259.508*** |
| | ***2. Điều chỉnh cho các khoản*** | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 7.027.584.236 | 8.249.002.149 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 297.000.000 | 36.000.000 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (365.530) | (637.198) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (6.485.076.804) | (5.248.377.795) |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | 315.579.556 |
| *08* | ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | | ***12.559.124.992*** | ***30.403.826.220*** |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 202.158.260 | (91.786.639) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 24.387.192.557 | (3.252.719.834) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (3.072.950.814) | (3.568.014.137) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 9.518.760.459 | 367.183.530 |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (3.205.460.987) | (6.030.614.427) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (6.599.746.078) | (7.788.785.610) |
| *20* | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | | ***33.789.078.389*** | ***10.039.089.103*** |
| | **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (917.324.050) | (376.302.050) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | 20.145.455 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (215.500.000.000) | (211.000.000.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay | | 183.500.000.000 | 242.500.000.000 |
| 27 | 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 6.263.353.515 | 5.010.351.242 |
| *30* | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | | ***(26.653.970.535)*** | ***36.154.194.647*** |
| | **III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 36 | 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (12.070.395.792) | (50.601.234.060) |
| *40* | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | | ***(12.070.395.792)*** | ***(50.601.234.060)*** |
| **50** | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | | **(4.935.287.938)** | **(4.407.950.310)** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | | **5.559.610.162** | **9.966.923.274** |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 365.530 | 637.198 |
| **70** | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **03** | **624.687.754** | **5.559.610.162** |

| Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| **Phan Thị Hiền Nhi** | **Đinh Ngọc Mến** | **Nguyễn Diên Tường** |

*Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2024*



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Năm 2023*

## 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 102.639.420.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 102.639.420.000 đồng; tương đương 10.263.942 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 88 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 123 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Chăn nuôi gia súc.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo;
- Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm;
- Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi;
- Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến;
- Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt;
- Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Chế biến rau, củ, quả;
- Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi;
- Xây dựng địa ốc;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho;
- Bán buôn xe gắn máy;
- Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2023, tình hình kinh tế xã hội có nhiều khó khăn và người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, sức tiêu thụ sản phẩm heo giảm, song song đó, một số bệnh mới trên đàn gia súc theo mùa bùng phát trên một số vùng trong tỉnh, uy hiếp các trại chăn nuôi của đơn vị. Những điều này làm cho giá bán và sản lượng tiêu thụ của heo thịt thương phẩm giảm, dẫn đến doanh thu năm 2023 giảm 24,93 tỷ VND, tương ứng với tỷ lệ giảm 8,18% so với năm 2022. Đồng thời, do ảnh hưởng của chiến sự Nga - Ukraine làm tác động mạnh mẽ đến giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi như bắp, đậu nành, cám lúa mì, do đó, mặc dù sản lượng tiêu thụ giảm nhưng giá thành sản xuất tăng cao hơn so với năm 2022, dẫn đến giá vốn năm 2023 giảm nhẹ 6,90 tỷ VND tương ứng với tỷ lệ giảm 2,53%, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 18,06 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 56,29% so với năm trước.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

| Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|---|
| Trại heo Dolico Xuân Thành | Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai | Chăn nuôi heo |
| Trại heo Dolico Suối Cao | Tổ 10, Ấp Phượng Vĩ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai | Chăn nuôi heo |
| Trung Tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An | Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai | Chăn nuôi heo |
| Xưởng chế biến thực phẩm | Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | Chế biến thức ăn gia súc |

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### 2.5 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.
Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | | |
|---|---|---|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 | năm |
| - Quyền sử dụng đất | 20 - 50 | năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không trích khấu hao | |

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Giá trị đàn heo cơ bản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, Công ty ước tính thời gian phân bổ là 04 năm.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**2.17 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan… được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái…

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo khoản 5, điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động chăn nuôi và mức thuế suất TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh thông thường.

**2.21 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.23 . Thông tin bộ phận

Do Công ty tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh heo và hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 244.353.607 | 235.836.582 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 380.334.147 | 3.323.773.580 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 2.000.000.000 |
| | **624.687.754** | **5.559.610.162** |





## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | | | | |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 114.500.000.000 | - | 82.500.000.000 | - |
| | **114.500.000.000** | **-** | **82.500.000.000** | **-** |

(*) Tại ngày 31/12/2023, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 114.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,9%/năm đến 6,8%/năm.

### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | | 31/12/2023 | | | 01/01/2023 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã chứng khoán | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **Đầu tư vào đơn vị khác** | | **1.030.000.000** | **787.000.000** | **(243.000.000)** | **1.030.000.000** | **1.050.600.000** | **-** |
| Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai | DOC | 1.030.000.000 | 787.000.000 | (243.000.000) | 1.030.000.000 | 1.050.600.000 | - |
| | | **1.030.000.000** | **787.000.000** | **(243.000.000)** | **1.030.000.000** | **1.050.600.000** | **-** |

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính.

**Đầu tư vào đơn vị khác:** Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

| Tên Công ty nhận đầu tư | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai | Tỉnh Đồng Nai | 1,00% | 1,00% | Thương mại - dịch vụ |

## 5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Túc Hưng | 180.000.000 | (180.000.000) | 180.000.000 | (126.000.000) |
| | **180.000.000** | **(180.000.000)** | **180.000.000** | **(126.000.000)** |

## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| ***Bên khác*** | | | | |
| Công ty TNHH Thiết bị Tổng hợp Giang Nam | - | - | 142.324.050 | - |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 23.255.592 | - | 8.403.728 | - |
| | **23.255.592** | **-** | **150.727.778** | **-** |

## 7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 *(Đã điều chỉnh)* | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.422.709.591 | - | 1.200.986.302 | - |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội | 84.592.000 | - | 112.247.999 | - |
| Phải thu về bảo hiểm y tế | 15.861.000 | - | 21.046.000 | - |
| Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp | 10.574.000 | - | 14.031.000 | - |
| Tạm ứng | - | - | 17.000.000 | - |
| Phải thu khác | 86.758.040 | - | 250.470.165 | - |
| | **1.620.494.631** | **-** | **1.615.781.466** | **-** |



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 8 . NỢ XẤU

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Túc Hưng | 180.000.000 | - | 180.000.000 | 54.000.000 |
| | **180.000.000** | **-** | **180.000.000** | **54.000.000** |

## 9 . HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.089.792.795 | - | 7.692.514.069 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 40.364.883.675 | - | 60.149.354.958 | - |
| | **43.454.676.470** | **-** | **67.841.869.027** | **-** |

## 10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **Nguyên giá** | | | | |
| Số dư đầu năm | 93.106.213.628 | 4.718.084.803 | 12.323.389.288 | 110.147.687.719 |
| - Mua trong năm | - | 1.059.648.100 | - | 1.059.648.100 |
| - Giảm khác | (53.385.274) | - | - | (53.385.274) |
| **Số dư cuối năm** | **93.052.828.354** | **5.777.732.903** | **12.323.389.288** | **111.153.950.545** |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | | |
| Số dư đầu năm | 72.154.437.074 | 4.142.316.510 | 8.643.340.506 | 84.940.094.090 |
| - Khấu hao trong năm | 5.334.878.093 | 285.651.071 | 928.649.171 | 6.549.178.335 |
| - Giảm khác | (53.385.274) | - | - | (53.385.274) |
| **Số dư cuối năm** | **77.435.929.893** | **4.427.967.581** | **9.571.989.677** | **91.435.887.151** |
| **Giá trị còn lại** | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 20.951.776.554 | 575.768.293 | 3.680.048.782 | 25.207.593.629 |
| **Tại ngày cuối năm** | **15.616.898.461** | **1.349.765.322** | **2.751.399.611** | **19.718.063.394** |

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.595.667.287 VND.

## 11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại xã Suối Cao và Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 15.009.127.514 VND và 5.294.678.901 VND, khấu hao đã trích trong năm là 631.307.585 VND.
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có nguyên giá tại ngày 31/12/2023 là 10.128.753 VND.



## 12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Giá trị đàn heo cơ bản | 5.895.881.759 | 15.237.985.787 |
| Chi phí thuê đất (*) | 4.175.054.576 | 4.288.304.300 |
| Chi phí chuồng, trại, chi phí sửa chữa và các chi phí khác tại các trại chăn nuôi | 138.025.711 | 314.682.142 |
| | **10.208.962.046** | **19.840.972.229** |

(*) Công ty thuê đất tại địa chỉ Khu 3A xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 10/HĐTLĐ/2014 ngày 08/03/2014 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai và Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai và phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số 01/PLHĐTLĐ/2018 ngày 01/03/2018 để làm trại chăn nuôi heo, diện tích thuê là 84.892,3 m2, thời gian thuê từ tháng 01/2018 đến ngày 28/02/2061. Công ty trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

## 13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| ***Bên khác*** | | | | |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Rico Đồng Nai | 1.780.200.000 | 1.780.200.000 | 1.321.172.000 | 1.321.172.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô | 1.384.980.000 | 1.384.980.000 | 2.369.327.500 | 2.369.327.500 |
| Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc | - | - | 325.610.696 | 325.610.696 |
| Công ty TNHH Đại Hòa | - | - | 583.530.000 | 583.530.000 |
| Phải trả người bán ngắn hạn khác | - | - | 176.945.400 | 176.945.400 |
| | **3.165.180.000** | **3.165.180.000** | **4.776.585.596** | **4.776.585.596** |

## 14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| ***Bên khác*** | | | | |
| Ông Trần Quang Nho | 100.000.000 | 100.000.000 | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy | - | - | 480.853.500 | 480.853.500 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 8.359.445 | 8.359.445 | 29.033.942 | 29.033.942 |
| | **108.359.445** | **108.359.445** | **519.887.442** | **519.887.442** |

## 15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm *(Đã điều chỉnh)* | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | 21.063.584 | - | - | - | 21.063.584 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | 430.943.118 | 2.068.329.580 | 3.205.460.987 | 706.188.289 | - |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | 51.960.165 | 1.056.198.054 | 985.966.734 | - | 122.191.485 |
| Thuế Tài nguyên | - | - | 3.290.490 | 3.290.490 | - | - |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | - | - | 1.611.372.751 | 1.611.372.751 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - | - |
| | **-** | **503.966.867** | **4.742.190.875** | **5.809.090.962** | **706.188.289** | **143.255.069** |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





## 16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí tiền điện | 180.401.658 | 279.033.995 |
| | **180.401.658** | **279.033.995** |

## 17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***a.1) Chi tiết theo nội dung*** | | |
| - Kinh phí công đoàn | 67.895.072 | 67.721.070 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 3.079.182.600 | 10.263.942.000 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 24.100.000 | 24.100.000 |
| | **3.171.177.672** | **10.355.763.070** |
| ***a.2) Chi tiết theo đối tượng*** | | |
| ***Bên liên quan*** | | |
| - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | 2.596.242.600 | 8.654.142.000 |
| ***Bên khác*** | | |
| - Các đối tượng khác | 574.935.072 | 1.701.621.070 |
| | **3.171.177.672** | **10.355.763.070** |

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối *(Đã điều chỉnh)* | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **Số dư đầu năm trước** | **102.639.420.000** | **61.733.522.600** | **60.016.770.438** | **224.389.713.038** |
| Lãi trong năm trước *(Đã điều chỉnh)* | - | - | 22.621.316.390 | 22.621.316.390 |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2021 | - | 35.742.378 | (35.742.378) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 | - | - | (9.379.794.000) | (9.379.794.000) |
| Chia cổ tức năm 2021 | - | - | (50.601.234.060) | (50.601.234.060) |
| Tạm ứng cổ tức năm 2022 | - | - | (10.263.942.000) | (10.263.942.000) |
| Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2022 | - | - | (228.000.000) | (228.000.000) |
| Giảm khác | - | - | (2.215.470.774) | (2.215.470.774) |
| **Số dư cuối năm trước** | **102.639.420.000** | **61.769.264.978** | **9.913.903.616** | **174.322.588.594** |
| **Số dư đầu năm này** | **102.639.420.000** | **61.769.264.978** | **9.913.903.616** | **174.322.588.594** |
| Lãi trong năm nay | - | - | 9.651.653.510 | 9.651.653.510 |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2022 (1) | - | 2.830.239 | (2.830.239) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 (1) | - | - | (8.151.165.300) | (8.151.165.300) |
| Chia cổ tức năm 2022 (1) | - | - | (1.806.453.792) | (1.806.453.792) |
| Tạm ứng cổ tức năm 2023 (2) | - | - | (3.079.182.600) | (3.079.182.600) |
| Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2023 (3) | - | - | (228.000.000) | (228.000.000) |
| **Số dư cuối năm này** | **102.639.420.000** | **61.772.095.217** | **6.297.925.195** | **170.709.440.412** |

## 18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu





(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 16/06/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 trước khi thực hiện hồi tố như sau:

| | Tỷ lệ | Số tiền |
|---|---|---|
| | (%) | VND |
| Kết quả kinh doanh sau thuế | 100,00 | 22.667.862.105 |
| Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát (đã chi trả trong năm 2022) | 1,01 | 228.000.000 |
| Nộp ngân sách Nhà nước từ cho thuê cửa hàng, nhà kho năm 2018 | 9,77 | 2.215.470.774 |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | 0,01 | 2.830.239 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 35,96 | 8.151.165.300 |
| Chi trả cổ tức (11,76%/vốn điều lệ) | 53,25 | 12.070.395.792 |
| *Trong đó:* | | |
| *+ Cổ đông Nhà nước:* | | *10.177.270.992* |
| *+ Cổ đông cán bộ công nhân viên và bên ngoài* | | *1.893.124.800* |

(2) Tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 3% vốn điều lệ căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 06/12/2023.

(3) Tạm trích chi phí thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, khoản tiền này sẽ được trình lên Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp sắp tới.

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ | Cuối năm | Tỷ lệ | Đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| | (%) | VND | (%) | VND |
| - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | 84,32 | 86.541.420.000 | 84,32 | 86.541.420.000 |
| - Các cổ đông khác | 15,68 | 16.098.000.000 | 15,68 | 16.098.000.000 |
| | **100** | **102.639.420.000** | **100** | **102.639.420.000** |

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - *Vốn góp đầu năm* | *102.639.420.000* | *102.639.420.000* |
| - *Vốn góp cuối năm* | ***102.639.420.000*** | ***102.639.420.000*** |
| Cổ tức, lợi nhuận | | |
| - *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm* | *10.263.942.000* | - |
| - *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm* | | |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước | 1.806.453.792 | 50.601.234.060 |
| + Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm này | 3.079.182.600 | 10.263.942.000 |
| - *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền* | | |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước | (12.070.395.792) | (50.601.234.060) |
| - *Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm* | ***3.079.182.600*** | ***10.263.942.000*** |

### d) Cổ phiếu

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.263.942 | 10.263.942 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *10.263.942* | *10.263.942* |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *10.263.942* | *10.263.942* |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

**e) Các quỹ công ty**

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 61.772.095.217 | 61.769.264.978 |
| | **61.772.095.217** | **61.769.264.978** |

## 19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 16.867,7 $m^2$ để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 191.283,4 $m^2$ để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo từ năm 2009 đến năm 2051. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất và thuê hạ tầng tại phân khu 3A, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 84.575 $m^2$ để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo từ năm 2014 đến năm 2061. Theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê.

**b) Ngoại tệ các loại**

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|---|---|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 854,00 | 867,20 |
| - Đồng Euro (EUR) | 86,03 | 96,78 |

## 20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng | 279.991.051.000 | 304.919.205.950 |
| | **279.991.051.000** | **304.919.205.950** |

## 21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 265.928.948.319 | 272.832.146.089 |
| | **265.928.948.319** | **272.832.146.089** |

## 22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 6.340.076.804 | 5.094.232.340 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 145.000.000 | 134.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 365.530 | 637.198 |
| | **6.485.442.334** | **5.228.869.538** |
| Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan | **145.000.000** | **134.000.000** |

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)*



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | 243.000.000 | - |
| | **243.000.000** | **-** |

## 24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí khác bằng tiền | - | 6.060.002 |
| | **-** | **6.060.002** |

## 25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2023 | Năm 2022 *(Đã điều chỉnh)* |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 77.058.468 | 64.071.006 |
| Chi phí nhân công | 5.785.658.065 | 5.932.220.867 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 232.769.568 | 218.110.236 |
| Chi phí dự phòng | 54.000.000 | 36.000.000 |
| Thuế, phí, và lệ phí | 1.776.701.882 | 2.529.728.589 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 470.510.887 | 612.909.731 |
| Chi phí khác bằng tiền | 87.463.055 | 159.303.092 |
| | **8.484.161.925** | **9.552.343.521** |

## 26 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | - | 20.145.455 |
| | **-** | **20.145.455** |

## 27 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Các khoản bị phạt | 95.000.000 | 409.832.267 |
| Chi phí khác | 5.400.000 | 315.579.556 |
| | **100.400.000** | **725.411.823** |

## 28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2023 | Năm 2022 *(Đã điều chỉnh)* |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| ***Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính*** | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 11.719.983.090 | 27.052.259.508 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 100.400.000 | 873.886.062 |
| - *Chi phí không hợp lệ* | *100.400.000* | *873.886.062* |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (145.000.000) | (134.000.000) |
| - *Cổ tức, lợi nhuận được chia* | *(145.000.000)* | *(134.000.000)* |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | 11.675.383.090 | 27.792.145.570 |
| - *Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)* | *5.334.940.756* | *22.549.719.922* |
| - *Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)* | *6.340.442.334* | *5.242.425.648* |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 2.068.329.580 | 4.430.943.118 |
| - *Chi phí thuế TNDN được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)* | *800.241.113* | *3.382.457.988* |
| - *Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)* | *1.268.088.467* | *1.048.485.130* |
| **Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **2.068.329.580** | **4.430.943.118** |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm | 430.943.118 | 2.030.614.427 |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm | (3.205.460.987) | (6.030.614.427) |
| **Thuế TNDN phải nộp cuối năm** | **(706.188.289)** | **430.943.118** |

## 29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2023 | Năm 2022 *(Trình bày lại)* |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 9.651.653.510 | 22.621.316.390 |
| Các khoản điều chỉnh | (228.000.000) | (8.379.165.300) |
| - *Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành* | - | *(8.151.165.300)* |
| - *Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát* | *(228.000.000)* | *(228.000.000)* |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 9.423.653.510 | 14.242.151.090 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 10.263.942 | 10.263.942 |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **918** | **1.388** |



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Như đã trình bày tại thuyết minh số 18, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 16/06/2023 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2022 của Công ty. Đồng thời, tại thuyết minh số 34 đang trình bày thông tin Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 theo kết quả Kiểm toán nhà nước, dẫn đến việc trình bày lại và điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cụ thể như sau:

| | Số đã báo cáo năm 2022 | Số trình bày lại năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 22.667.862.105 | 22.621.316.390 |
| Các khoản điều chỉnh | (228.000.000) | (8.379.165.300) |
| - *Quỹ khen thưởng, phúc lợi* | - | (8.151.165.300) |
| - *Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát* | *(228.000.000)* | *(228.000.000)* |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 22.439.862.105 | 14.242.151.090 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 10.263.942 | 10.263.942 |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **2.186** | **1.388** |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

## 30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2023 | Năm 2022 *(Đã điều chỉnh)* |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 211.465.367.007 | 235.677.909.928 |
| Chi phí nhân công | 27.053.430.274 | 28.156.432.126 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.914.334.512 | 8.249.002.149 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.645.752.700 | 9.225.271.951 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.549.754.468 | 2.996.078.046 |
| | **254.628.638.961** | **284.304.694.200** |

## 31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

***Rủi ro thị trường***

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **Tại ngày 31/12/2023** | | | | |
| Đầu tư dài hạn | - | - | 787.000.000 | 787.000.000 |
| | **-** | **-** | **787.000.000** | **787.000.000** |
| **Tại ngày 01/01/2023** | | | | |
| Đầu tư dài hạn | - | - | 1.050.600.000 | 1.050.600.000 |
| | **-** | **-** | **1.050.600.000** | **1.050.600.000** |

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **Tại ngày 31/12/2023** | | | | |
| Tiền | 380.334.147 | - | - | 380.334.147 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 1.620.494.631 | - | - | 1.620.494.631 |
| Các khoản cho vay | 114.500.000.000 | - | - | 114.500.000.000 |
| | **116.500.828.778** | **-** | **-** | **116.500.828.778** |
| **Tại ngày 01/01/2023 (Đã điều chỉnh)** | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.323.773.580 | - | - | 5.323.773.580 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 1.669.781.466 | - | - | 1.669.781.466 |
| Các khoản cho vay | 82.500.000.000 | - | - | 82.500.000.000 |
| | **89.493.555.046** | **-** | **-** | **89.493.555.046** |





***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **Tại ngày 31/12/2023** | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 6.336.357.672 | - | - | 6.336.357.672 |
| Chi phí phải trả | 180.401.658 | - | - | 180.401.658 |
| | **6.516.759.330** | **-** | **-** | **6.516.759.330** |
| **Tại ngày 01/01/2023** | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 15.132.348.666 | - | - | 15.132.348.666 |
| Chi phí phải trả | 279.033.995 | - | - | 279.033.995 |
| | **15.411.382.661** | **-** | **-** | **15.411.382.661** |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai | Cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai | Cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn | Cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp | Cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH Một thành viên Thọ Vực | Cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển Bửu Long | Cùng công ty mẹ |
| Ông Đinh Văn Hồng | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Nguyễn Diên Tường | Phó Chủ tịch HĐQT *(Miễn nhiệm ngày 19/02/2024)*<br>Giám đốc *(Miễn nhiệm từ ngày 01/01/2024)* |
| Ông Trần Minh Phương | Phó Giám đốc / Thành viên HĐQT |
| Ông Lâm Hùng Phương | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Sỹ Sinh | Thành viên HĐQT |
| Ông Đinh Ngọc Mến | Thành viên HĐQT *(Miễn nhiệm ngày 16/06/2023)*<br>Kế toán trưởng *(Miễn nhiệm ngày 01/01/2024)* |
| Ông Hoàng Ngọc Long | Trưởng Ban kiểm soát *(Miễn nhiệm ngày 19/02/2024)* |
| Ông Nguyễn Minh Tiến | Thành viên Ban kiểm soát |
| Bà Ngô Thị Cẩm Hà | Thành viên Ban kiểm soát |

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Chia cổ tức** | **4.119.371.592** | **51.319.062.060** |
| - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | 4.119.371.592 | 51.319.062.060 |
| **Nhận cổ tức** | **145.000.000** | **134.000.000** |
| - Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai | 145.000.000 | 134.000.000 |

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Thu nhập của người quản lý chủ chốt** | | |
| Ông Đinh Văn Hồng | 87.000.000 | 90.000.000 |
| Ông Nguyễn Diên Tường | 785.332.000 | 903.768.254 |
| Ông Trần Minh Phương | 618.194.000 | 674.838.248 |
| Ông Lâm Hùng Phương | 60.000.000 | 73.000.000 |
| Ông Nguyễn Sỹ Sinh | 430.696.000 | 408.087.492 |
| Ông Đinh Ngọc Mến | 458.204.692 | 519.168.237 |
| Ông Hoàng Ngọc Long | 340.585.828 | 378.928.415 |
| Ông Nguyễn Minh Tiến | 53.000.000 | 64.000.000 |
| Bà Ngô Thị Cẩm Hà | 53.000.000 | 56.000.000 |

## 34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 căn cứ theo Thông báo kết quả kiểm toán số 890/TB-KVXIII ngày 29/12/2023 do Kiểm toán nhà nước khu vực XIII ban hành. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

| | Mã số | Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước | Số liệu điều chỉnh lại | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| | | VND | VND | VND |
| **Bảng Cân đối kế toán** | | | | |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 1.596.778.691 | 1.615.781.466 | 19.002.775 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 438.418.377 | 503.966.867 | 65.548.490 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 9.960.449.331 | 9.913.903.616 | (46.545.715) |
| *- LNST chưa phân phối kỳ này* | *421b* | *9.960.449.331* | *9.913.903.616* | *(46.545.715)* |
| **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh** | | | | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 9.531.279.937 | 9.552.343.521 | 21.063.584 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 4.405.460.987 | 4.430.943.118 | 25.482.131 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 22.667.862.105 | 22.621.316.390 | (46.545.715) |



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 34 . SỐ LIỆU SO SÁNH *(Tiếp theo)*

| | Mã số | Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước | Số liệu điều chỉnh lại | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| | | VND | VND | VND |
| **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 27.073.323.092 | 27.052.259.508 | (21.063.584) |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (72.783.864) | (91.786.639) | (19.002.775) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (3.608.080.496) | (3.568.014.137) | (40.066.359) |

| Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| Phan Thị Hiền Nhi | Đinh Ngọc Mến | Nguyễn Diên Tường |

*Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2024*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

*Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2024*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 3600267730 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đinh Ngọc Mến